

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I – ĐỊA LÍ 12
(HS được mang theo át lát làm bài)

A. PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 2 : VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ

1. Vị trí địa lí :

- Nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm của khu vực ĐNÁ
- Vừa gần với lục địa Á-Âu vừa thông ra TBD: phía bắc giáp Trung Quốc, phía Tây giáp Lào và Campuchia, phía đông giáp Biển Đông. Phần biển giáp biển các nước
- Nằm trong múi giờ số 7
- Tọa độ địa lý :

Điểm xa nhất

Trên đất liền

*Trên biển
rộng hơn*

+ Cực Bắc :	23°23' B xã Lũng Cú (Hà Giang)	
+ Cực Nam:	8°34' B xã Đất Mũi (Cà Mau)	6°50'B
+ C Đông :	109°24'Đ xã Vạn Thạnh(Khánh Hoà)	117°20'Đ
+ Cực Tây:	102°9' Đ xã Xín Thầu (Điện Biên)	101° Đ

2. Phạm vi lãnh thổ bao gồm:

- a. *Vùng đất gồm đất liền & hải đảo* : d.tích 331 212 Km²
- Địa giới dài 4600 km :

+ Giáp TQ : 1.400 Km + Giáp Lào : 2.100 Km + Giáp CPC : 1.100 Km	}	Biên giới thường là đỉnh núi, thung lũng sông, được thông thương với các nước qua cửa khẩu
--	---	--
 - Bờ biển: + Dài 3260 Km từ Móng Cái đến Hà Tiên
+ Qua 28 tỉnh thành có thể trực tiếp khai thác nguồn lợi Biển Đông
 - Hải đảo : + Khoảng 4000 đảo
+ Có 2 quần đảo lớn là Hoàng Sa (Đà Nẵng) & Trường Sa (Khánh Hoà).

b. *Vùng biển giáp 8 nước ...(Atlas)* diện tích hơn 1 triệu Km², gồm 5 bộ phận sau:

Vùng biển	Phạm vi	Quyền hạn của nước ven biển
Nội thủy	Là vùng nước nằm phía trong đường cơ sở, tiếp giáp với đất liền	Có quyền như bộ phận lãnh thổ trên đất liền.(Tàu nước ngoài không được qua lại)
Lãnh hải	Là vùng biển tính từ đường cơ sở về phía biển đến phạm vi cách đều đường cơ sở 12 hải lí & đường phân định trên các vịnh với các nước hữu quan	Thuộc chủ quyền QG trên biển (Tàu nước ngoài được qua lại không gây hại, không cần xin phép)
Tiếp giáp lãnh hải	Là vùng rộng 12 HLí ngoài lãnh hải nhằm bảo đảm chủ quyền của QG ven biển	Có quyền thực hiện các biện pháp để bảo vệ an ninh QP, kiểm soát thuế, y tế, môi trường, nhập cư..
Vùng đặc quyền kinh tế	Là vùng biển tiếp liền với lãnh hải, hợp với lãnh hải thành vùng biển rộng 200 HL tính từ đường cơ sở	Có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế, nước ngoài được tự do hàng hải, hàng không, đặt đường ống, cáp...

Thêm lục địa	Là phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển tính tới độ sâu 200m, nơi nào thêm lục địa hẹp dưới 200 hải lí cách đường CS thì được tính đến 200 Hải lí	Có quyền hoàn toàn về thăm dò, khai thác, bảo vệ & quản lí các tài nguyên thiên nhiên ở thêm lục địa .
-------------------------	---	---

c. Vùng trời : là khoảng không gian không giới hạn độ cao, bao trùm trên lãnh thổ nước ta
3. Ý nghĩa của vị trí và phạm vi lãnh thổ VN

a) *Ý nghĩa tự nhiên:*

- Quy định t/c nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta. Nền nhiệt cao, ẩm lớn, gió theo mùa, khác hẳn khí hậu hoang mạc ở vùng Tây Á, Bắc Phi có cùng vĩ độ.

- Vị trí tiếp giáp giữa lục địa & đại dương, trên đường di lưu và di cư của nhiều loài sinh vật nên tài nguyên SV phong phú, nhiều loài quý giá.

- Nằm kề vành đai sinh khoáng TBD & ĐTHải nên có nhiều khoáng sản

- Vị trí & hình thể tạo nên sự phân hoá đa dạng của tự nhiên từ Bắc vào Nam, từ ven biển, đồng bằng, lên miền núi

- Có nhiều thiên tai: bão, lụt, hạn hán ... cần chủ động phòng chống

b) *Ý nghĩa kinh tế, văn hoá- xã hội và quốc phòng :*

- Nằm ở ngã tư hàng hải & Hkhông quốc tế với nhiều cảng biển & các tuyến đường xuyên Á tạo thuận lợi để thực hiện chính sách mở cửa hội nhập với thế giới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Còn là cửa ngõ ra biển thuận tiện cho Lào, ĐBắc Thái Lan, T Nam Trung quốc.

- Kề với các nước có văn hóa tương đồng nên dễ chung sống hòa bình, hợp tác cùng phát triển.

- Có vị trí quan trọng về ANQP của vùng ĐNA : một khu vực kinh tế năng động, nhạy cảm với những biến động chính trị thế giới. Đặc biệt Biển Đông rất quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Bài 6 & 7 : ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI

1. Đặc điểm chung của hình:

- **Đồi núi chiếm phần lớn diện tích, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp**

+ Đồi núi $\frac{3}{4}$ diện tích, đồng bằng chỉ có $\frac{1}{4}$ diện tích, hẹp ở Trung Bộ mở rộng ở hai đầu Bắc Bộ và Nam Bộ.

+ Trên cả nước, núi cao > 2000m chỉ 1%, địa hình thấp dưới 1000m là 85 %.

- **Cấu trúc địa hình khá đa dạng :**

+ Được Tân kiến tạo làm trẻ hóa và có tính phân bậc rõ.

+ Địa hình thấp dần từ TB xuống ĐN.

+ Gồm 2 hướng chính: TB-ĐN thể hiện ở vùng núi Tây Bắc & Trường Sơn Bắc, hướng vòng cung ở vùng núi Đông Bắc & Trường Sơn Nam.

- **Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa:**

+ Xâm thực mạnh ở vùng đồi núi : sườn dốc bị cắt xẻ mạnh do mưa nhiều.

+ Bồi tụ mạnh ở các đồng bằng.

- **Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người :**

+ Phá rừng & khai thác hầm mỏ làm đẩy nhanh tốc độ rửa trôi, xói mòn

+ Tạo thêm địa hình mới: đắp đê sông, đê biển, xây dựng hồ đập, làm ruộng bậc thang

2. Các khu vực địa hình.

a. **Khu vực đồi núi:** địa hình đồi núi chia làm 4 khu vực:

- **Vùng núi Đông Bắc:**

+ Nằm ở tả ngạn sông Hồng với 4 cánh cung lớn, chụm đầu ở Tam Đảo, mở ra ở phía Bắc và Đông

+ Hướng vòng cung là chủ yếu .

+ Hướng nghiêng chung là tây bắc-đông nam.

+ Các khối núi gồm: khối Thượng nguồn sông Chảy (có những đỉnh cao > 2000m), tiếp theo là núi đá vôi ở Hà Giang, Cao Bằng (cao > 1000m), các cánh cung thấp (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) ở phía Đông, đồi núi thấp ở trung tâm (500-600m) .

+ Các thung lũng sông hướng vòng cung xen giữa các dãy núi: sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam...

- Vùng núi Tây Bắc:

+ Nằm giữa sông Hồng và sông Cả.

+ Hướng núi TB - ĐN ,

+ Hướng nghiêng TB - ĐN

+ Phía đông là hệ Hoàng Liên Sơn đồ sộ nhất nước ta, phía tây là núi trung bình nằm dọc biên giới Lào -Việt, giữa là núi thấp hơn và các sơn nguyên, cao nguyên đá vôi từ Phong Thổ đến Mộc Châu tiếp nối núi đá vôi ở Ninh Bình -Thanh Hóa.

+ Các thung lũng sông cùng hướng, xen các dãy núi: sông Đà, S Mã, SChu

- Vùng núi Trường Sơn Bắc.

+ Chạy từ nam sông Cả đến dãy Bạch Mã

+ Hướng TB – ĐN, núi TSB thấp và hẹp ngang

+ Hướng nghiêng : thấp dần ra biển

+ Gồm những dãy núi song song và so le nhau, cao hai đầu thấp ở giữa :

- Đầu Bắc là vùng núi Tây Nghệ An

- Giữa thấp trũng là vùng đá vôi Quảng Bình và đồi núi thấp Quảng Trị

- Đầu Nam là vùng núi Tây Thừa Thiên-Huế. Kết thúc là dãy Bạch Mã đâm ngang ra biển là ranh giới với Trường Sơn Nam.

+ Sông Gianh dài hơn & cùng hướng địa hình, còn lại sông ngắn đổ ra biển: sông Bến Hải, sông Quảng Trị, sông Hữu Trạch...

- Vùng núi Trường Sơn Nam.

+ Chạy từ nam Bạch Mã cho đến hết khối núi cực Nam Trung Bộ

+ Hướng TB chuyển dần sang hướng Bắc – Nam và hướng vòng cung

+ Gồm các khối núi và cao nguyên, cao và đồ sộ, *cao hai đầu thấp ở giữa* :

- Đầu bắc là khối núi Kon Tum

- Đầu nam khối núi cực Nam Trung Bộ.

- Có sự bất đối xứng giữa 2 sườn Đông và Tây: phía Đông với những đỉnh cao trên 2000m,

đổ xuống Đèo ngang hẹp ven biển. Phía tây là các cao nguyên badan xếp tầng: Plây Ku, Đắc Lắc, Mơ Nông, Di Linh bề mặt khá phẳng, độ cao 500- 800-1000m và bán bình nguyên xen đồi .

+ Các thung lũng sông: đổ về phía đông có S Vu Gia, S Thu Bồn, STrà Bòng, STrà Khúc, S Cái, SDà Rằng...Đổ về phía Tây có: S Krông Pôko, S Ea Hleo, S Đắc Krông. .. Đổ về phía Nam có sông La Ngà, S Đồng Nai, S Bé..

b. Khu vực bán bình nguyên và đồi trung du chuyển tiếp từ đồi núi xuống đồng bằng:

- Bán bình nguyên hiện rõ ở Đông Nam Bộ :

+ Các bậc thềm phù sa cổ cao khoảng 100m

+ Các bề mặt phủ badan cao khoảng 200m

- Đồi trung du là các bậc thềm phù sa cổ bị chia cắt bởi các dòng chảy tiêu biểu là ở rìa của Đồng bằng sông Hồng, thu hẹp ở rìa đồng bằng ven biển.

c. Khu vực đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích đất nước gồm 2 loại: đồng bằng châu thổ & đ. bằng ven biển

- Đồng bằng châu thổ sông Hồng:

- + Diện tích 15.000 km²
- + Được hình thành do phù sa hệ thống sông Hồng và hệ sông Thái Bình bồi đắp dần vào vịnh biển nông & thềm lục địa mở rộng
- + Được khai thác từ lâu đời làm biến đổi mạnh, có hệ thống đê ngăn lũ.
- + Đất đai: Trong đê không được bồi phù sa gồm các ruộng bậc cao bạc màu & ô trũng ngập nước. Vùng ngoài đê được bồi phù sa
- + Địa hình : cao ở phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển. Bị chia cắt thành các ô trũng.

- Đồng bằng sông Cửu Long:

- + Diện tích 40.000 km², lớn hơn 2,7 lần so với ĐB sông Hồng
- + Được bồi tụ bởi phù sa của sông Tiền và sông Hậu, bồi đắp dần vào vịnh biển nông & thềm lục địa mở rộng
- + Mới khai thác, có mạng lưới kênh rạch chằng chịt, mở rộng từ 60 -80 m/năm.
- + Đất đai: được bồi phù sa hàng năm. Mùa khô 2/3 diện tích Đ bằng là đất phèn, đất mặn do nước triều lấn mạnh
- + Địa hình thấp và phẳng, mùa lũ ngập trên diện rộng. Có các vùng trũng lớn như Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên

- Đồng bằng ven biển:

- + Diện tích 15.000 km²
- + Biển đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành đồng bằng.
- + Đất nghèo nhiều cát, ít phù sa sông
- + Đồng bằng thường hẹp ngang và chia thành các đồng bằng nhỏ. Một số ĐB mở rộng ở cửa sông như: ĐB Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Tuy Hòa.
- + Thường phân chia thành ba dải: giáp biển là đầm phá, giữa là vùng thấp trũng, trong cùng là đồng bằng.

3. Ảnh hưởng của địa hình đồi núi đối với sự phát triển kinh tế- xã hội:

a. Khu vực đồi núi:

- Thế mạnh:

- + Tập trung nhiều khoáng sản nội sinh ở vùng đồi núi như : đồng, chì, sắt, thiếc, niken, crôm, vàng..., khoáng sản ngoại sinh như: bôxít, apatít, đá vôi, than đá...là nguyên, nhiên liệu cho công nghiệp
- + Tài nguyên rừng giàu có về thành phần loài động thực vật, nhiều loài quý hiếm, tạo cơ sở cho ngành lâm nghiệp
- + Về sản xuất nông nghiệp:
 - Các bề mặt cao nguyên phẳng, thuận lợi cho việc hình thành vùng chuyên canh trồng cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi đại gia súc.
 - Vùng cao có thể nuôi trồng được các loài cận nhiệt và ôn đới.
 - Vùng bán bình nguyên & đồi có thể trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lương thực
- + Sông ở miền núi có tiềm năng thủy điện lớn
- + Tiềm năng du lịch: có nhiều phong cảnh đẹp, khí hậu mát mẻ

- Hạn chế

+ Địa hình núi bị chia cắt mạnh gây khó khăn cho giao thông, cho việc khai thác các tài nguyên và giao lưu kinh tế giữa các vùng.

+ Nơi xảy ra nhiều thiên tai vào mùa mưa như: lũ nguồn, lũ quét, xói mòn, trượt lở đất...

+ Có nguy cơ phát sinh động đất ở các đứt gãy sâu.

+ Xoáy lốc, mưa đá, sương muối, rét hại gây tác hại cho SX và đời sống

b. Khu vực đồng bằng:

- Thế mạnh:

+ Thuận lợi để phát triển nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hóa nông sản. Lúa gạo là chính

+ Giàu thủy sản, khoáng sản, lâm sản.

+ Thuận lợi để tập trung các thành phố, các khu công nghiệp, trung tâm thương mại.

+ Thuận lợi để phát triển GTVT đường bộ, đường sông.

- Hạn chế: Thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai : bão, ngập lụt vào mùa mưa, hạn hán mùa khô gây thiệt hại lớn

Bài 8 : THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN

1. Khái quát về biển Đông:

- Diện tích 3,447 triệu km², biển lớn thứ 2 của Thái Bình Dương

- Là biển tương đối kín, được bao quanh bởi các quần đảo, bán đảo

- Biểu hiện các tính chất trên qua : nhiệt độ, độ mặn, thủy triều, hải lưu và sinh vật biển...

2. Ảnh hưởng của biển Đông đối với thiên nhiên Việt Nam:

a. Khí hậu: Biển Đông đã làm khí hậu nước ta mang tính hải dương điều hòa

- Làm tăng độ ẩm của các khối khí khi qua biển nên nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn.

- Làm giảm tính lạnh, khô của mùa đông và giảm bớt nóng gây mưa nhiều vào mùa hè.

b. Địa hình và hệ sinh thái vùng ven biển đa dạng:

- Các dạng địa hình ven biển: vịnh cửa sông, bờ biển mài mòn, tam giác châu thổ, các bãi cát phẳng, các vũng vịnh nước sâu, các đảo ven bờ, rạn san hô..., có giá trị về kinh tế và du lịch

- Các hệ sinh thái vùng ven biển đa dạng và giàu có:

+ Đặc biệt là hệ sinh thái rừng ngập mặn có 450 nghìn ha (riêng Nam Bộ có 300 nghìn ha lớn thứ hai thế giới)

+ Ngoài ra còn hệ sinh thái trên đất phèn, rừng trên các đảo

c. Tài nguyên thiên nhiên vùng biển giàu có về khoáng sản, hải sản:

- Tài nguyên khoáng sản:

+ Trữ lượng lớn & giá trị nhất là dầu khí : bể trầm tích chứa dầu lớn là Nam Côn Sơn và bể Cửu Long, trữ lượng khá ở bể Thổ Chu - Mã Lai và bể sông Hồng. ...

+ Titan có nhiều trong các bãi cát ở ven biển ...

+ Thuận lợi cho nghề làm muối, nhất là vùng biển Nam Trung Bộ có nhiều nắng & ít sông

- Tài nguyên hải sản:

+ B.Đông có năng suất sinh học cao

+ Có trên 2000 loài cá, hơn 100 loài tôm, vài chục loài mực, hàng ngàn loài sinh vật phù du ...

+ Ven các đảo nhất là quần đảo Hoàng Sa & Trường Sa có các rạn san hô quý giá và các loài sinh vật khác

d. Thiên tai

- Bão: trung bình có 3-4 cơn bão/năm đổ bộ vào nước ta trong số 9 – 10 cơn bão xuất hiện ở biển Đông, cùng với bão là sóng lừng, nước dâng thường xuyên đe dọa, gây hậu quả nặng nề cho vùng đồng bằng ven biển.

- Sạt lở bờ biển...

- Cát bay, cát chảy ...

Bài 9 - 10 : THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

1. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa:

a. Tính chất nhiệt đới.:

- *Nguyên nhân*: do nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến, có 2 lần Mặt Trời qua thiên đỉnh nên nhận được một lượng bức xạ Mặt Trời lớn .

- *Biểu hiện*:

+ Tổng bức xạ lớn và cân bằng bức xạ dương quanh năm .

+ Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C , vượt tiêu chuẩn khí hậu nhiệt đới (trừ vùng núi cao)

+ Tổng số giờ nắng từ 1400-3000 giờ/ năm

b. Lượng mưa, độ ẩm lớn:

- *Nguyên nhân*: lãnh thổ hẹp ngang nằm kề biển lớn, các khối khí di chuyển qua biển đã mang lại cho nước ta một lượng mưa lớn.

- *Biểu hiện*:

+ Lượng mưa trung bình năm từ : 1500-2000mm/năm

+ Các sườn đón gió biển và các khối núi cao lượng mưa trung bình lên đến 3500-4000mm/năm)

+ Độ ẩm không khí cao trên 80%, cân bằng ẩm luôn luôn dương.

c . Hoạt động của gió mùa: nước ta có 2 loại gió hoạt động là gió Tín phong & Gió mùa

* **Gió Tín phong** bán cầu Bắc hoạt động quanh năm, thổi xen kẽ gió mùa, nhưng chỉ tác động rõ rệt vào thời kì chuyển tiếp giữa 2 mùa gió. Riêng từ Đà Nẵng trở vào, **mùa đông** gió Tín phong đông bắc chiếm ưu thế gây mưa cho vùng ven biển Trung Bộ do bị núi chắn, lúc này ở Nam Bộ & Tây Nguyên là mùa khô .

* **Gió mùa**:

- Nguyên nhân do nước ta nằm trong khu vực có các khối khí thay đổi theo mùa.

- Hoạt động của gió mùa:

+ **Gió mùa mùa đông (gió mùa Đông Bắc)**:

- Hoạt động từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, chủ yếu ở phía bắc dãy Bạch Mã

- Xuất phát từ áp cao Xi-bi

- Di chuyển theo hướng đông bắc là chính

- Vào đầu và giữa mùa đông gió mùa Đông Bắc làm miền Bắc nước ta có thời tiết lạnh khô.

- Nửa sau mùa đông, có thời tiết lạnh ẩm và mưa phùn ở ven biển và đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ .

+ **Gió mùa mùa hạ**:

- Từ tháng 5 đến tháng 10, có 2 luồng gió hướng tây nam thổi vào Việt Nam.

- Đầu mùa hạ: Xuất phát từ khối khí nhiệt đới ở Bắc Ấn Độ Dương theo hướng tây nam

vào nước ta gây mưa lớn cho đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên, gây khô nóng ở ven biển Trung Bộ và nam của vùng Tây Bắc (do vượt núi gây hiện tượng phơn) .

- Giữa và cuối mùa hạ: gió mùa Tây Nam xuất phát từ cao áp cận chí tuyến bán cầu Nam, gây mưa lớn kéo dài cho vùng đón gió Nam Bộ & Tây Nguyên
- Gió Tây Nam cùng với đường hội tụ nhiệt đới là nguyên nhân gây mưa vào mùa hạ cho cả miền Nam, miền Bắc và mưa vào tháng IX ở Trung Bộ.
- Do áp thấp Bắc Bộ, đổi hướng thành “gió mùa Đông Nam” đối với miền Bắc nước ta.

*** Trong chế độ khí hậu nước ta :**

- Miền Bắc có mùa đông lạnh ít mưa, mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều.
- Miền Nam có hai mùa mưa, khô rõ rệt.
- Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Trung Trung Bộ có sự đối lập về mùa mưa & mùa khô

2. Các thành phần tự nhiên khác.

a. Địa hình:

- Xâm thực mạnh ở vùng đồi núi

- + Nguyên nhân: do sườn dốc bị mất lớp phủ thực vật
- + Biểu hiện: địa hình bị cắt xẻ, đất bị xói mòn, đất trượt, đá lở.
- Ở vùng núi đá vôi hình thành địa hình caxtơ
- Vùng thềm phù sa cổ bị chia cắt thành đồi thấp, xen thung lũng rộng

- Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu:

- + Các đồng bằng châu thổ sông Hồng & Cửu Long lấn ra biển gần trăm mét/năm.
- + Ngoài ra còn các bãi cát bồi ven sông, giữa sông có các cù lao, cồn cát...

b. Sông ngòi:

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc có 2360 con sông dài trên 10 km
- Sông ngòi nhiều nước 839 tỉ m³/năm, giàu phù sa khoảng 200 triệu tấn/năm
- Chế độ nước theo mùa: mùa mưa có lũ, mùa khô sông cạn, dòng chảy cũng thất thường theo chế độ mưa

c. Đất: Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm.

- + Sự rửa trôi các chất badan làm đất chua
- + Sự tích tụ các oxit sắt và oxit nhôm làm cho đất có màu đỏ vàng.
- + Quá trình phong hoá diễn ra mạnh mẽ làm cho đất có tầng dày

d. Sinh vật

- Hệ sinh thái rừng nguyên sinh là rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh (còn ít).
- Rừng thứ sinh biến dạng là phổ biến, gồm:
 - + Rừng gió mùa thường xanh
 - + Rừng gió mùa nửa rụng lá
 - + Rừng thưa, khô rụng lá
 - + Xa van, bụi gai hạn nhiệt đới.
- Thành phần loài ưu thế :
 - + Họ cây nhiệt đới: cây họ đậu, dâu tằm, dâu
 - + Các loài chim thú nhiệt đới: công, trĩ, vẹt... – khỉ, hươu, nai...- ếch, nhái ...
- Cảnh quan tiêu biểu là: hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa trên đất feralit

3. Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống:

a. Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp:

- Thuận lợi phát triển nền nông nghiệp lúa nước, tăng vụ, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi.

- Tính thất thường của hoạt động gió mùa gây trở ngại cho sản xuất nông nghiệp, dễ gây sâu rầy dịch bệnh. Nhiều thiên tai ...

b. Ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất khác và đời sống:

- Tạo thuận lợi phát triển các ngành kinh tế khác như: lâm nghiệp, thủy sản, giao thông vận tải, du lịch...

- Khó khăn :

+ Sự phân mùa khí hậu & chế độ nước sông thất thường gây trở ngại cho giao thông vận tải, du lịch, khai thác ...

+ Độ ẩm cao gây khó khăn cho việc bảo quản máy móc thiết bị, nông sản ...

+ Nhiều thiên tai: bão, dông, lốc, mưa đá, sương muối, rét hại, khô nóng... gây thiệt hại cho mọi ngành SX, cho con người & tài sản.

+ Môi trường thiên nhiên dễ bị suy thoái.

Bài 11 – 12 : THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG

1. Thiên nhiên phân hóa theo chiều Bắc – Nam

- **Nguyên nhân:** Thay đổi khí hậu từ bắc xuống nam:

+ góc nhập xạ tăng dần,

+ miền bắc chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.

a. Phần lãnh thổ phía Bắc

- Giới hạn: từ dãy Bạch Mã trở ra

- Thiên nhiên đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh

	+ Nhiệt độ TB năm	Trên 20 ⁰ c	
	+ Số tháng có nhiệt độ dưới 18 ⁰ C	2 - 3 tháng, thể hiện rõ nhất ở trung du miền núi Bắc Bộ và đồng bằng Bắc Bộ	
	+ Biên độ nhiệt độ trung bình năm	Lớn	
	+ Sự phân mùa	2 mùa rõ rệt: đông, hè	
- Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu - sự phân hoá mùa nóng, lạnh làm thay đổi cảnh sắc thiên nhiên: + Mùa đông: trời nhiều mây, lạnh, ít mưa, nhiều loài cây rụng lá + mùa hạ: nắng nóng, mưa nhiều, cây cối xanh tốt. - Trong rừng thành phần loài nhiệt đới chiếm ưu thế, ngoài ra còn có cây cận nhiệt đới (giẻ, re), cây ôn đới (sa mu, pơ mu), các loài thú có lông. ở vùng đồng bằng vào mùa đông trồng được rau ôn đới		rừng nhiệt đới gió mùa, Cảnh sắc thiên nhiên thay đổi theo mùa.	

b. Phần lãnh thổ phía Nam

Nội dung		Biểu hiện	Ghi chú
	- Giới hạn	Từ dãy BM trở vào	
Khí hậu	- Thiên nhiên đặc trưng cho vùng khí hậu	Cận xích đạo gió mùa, nóng quanh năm	

	+ Nhiệt độ Tb năm	Trên 25 ⁰ c, không có tháng nào dưới 20 ⁰ C	
	+ Biên độ nhiệt độ	Nhỏ	
	+ Sự phân mùa	2 mùa rõ rệt: khô và mùa mưa (đặc biệt từ vĩ tuyến 14 ⁰ B trở vào)	
- Cảnh quan		Tiêu biểu là các loài cận xích đạo gió mùa	
- Thành phần sinh vật + trong rừng xuất hiện cây chịu hạn, rụng lá vào mùa khô, có nơi hình thành loại rừng thưa nhiệt đới khô (nhiều nhất ở Tây Nguyên) + ĐV tiêu biểu là các loại thú lớn vùng nhiệt đới và xích đạo		Phân lớn là các loài xích đạo và nhiệt đới	

2. Thiên nhiên phân hóa theo chiều Đông – Tây

- **Nguyên nhân:** - Địa hình cao dần từ Đông -> Tây

- giáp biển

- Địa hình đón gió, khuất gió

- Từ Đông sang tây thiên nhiên nước ta có sự phân hoá thành 3 dải rõ rệt: vùng biển và thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển, vùng đồi núi.

a. Vùng biển và thềm lục địa

- Vùng biển nước ta lớn gấp 3 lần diện tích đất liền.

- Độ nông - sâu, rộng - hẹp của thềm lục địa có quan hệ chặt chẽ với vùng đồng bằng, vùng đồi núi kề bên và có sự thay đổi theo từng đoạn bờ biển.

+ Vùng thềm lục địa phía Bắc và phía Nam có đáy nông, mở rộng, có nhiều đảo ven bờ.

+ vùng thềm lục địa Nam Trung Bộ thu hẹp, tiếp giáp với vùng biển nước sâu.

- Thiên nhiên vùng biển nước ta rất giàu có và đa dạng, tiêu biểu cho thiên nhiên vùng biển nhiệt đới gió mùa.

b. Vùng đồng bằng ven biển

- Thiên nhiên vùng đồng bằng nước ta thay đổi tùy nơi, thể hiện mối quan hệ chặt chẽ với dải đồi núi phía tây và vùng biển phía đông.

- Đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ: nơi đồi núi lùi xa vào đất liền thì đồng bằng mở rộng với các bãi triều thấp phẳng, thềm lục địa rộng, nông. Thiên nhiên trù phú, xanh tươi, thay đổi theo mùa.

c. Vùng đồi núi

- Sự phân hóa thiên nhiên theo Đông - Tây ở vùng đồi núi rất phức tạp, chủ yếu do tác động của gió mùa với hướng các dãy núi.

+ thiên nhiên vùng núi Đông Bắc mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa

+ vùng núi thấp phía nam Tây Bắc có cảnh quan thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

+ vùng núi cao Tây Bắc, cảnh quan thiên nhiên giống như vùng ôn đới.

- Khi sườn Đông Trường Sơn đón nhận các luồng gió từ biển thổi vào tạo nên mưa vào thu đông, thì ở vùng Tây Nguyên lại là mùa khô, nhiều nơi khô hạn gay gắt. Còn khi Tây Nguyên vào mùa mưa thì bên sườn Đông Trường Sơn nhiều nơi lại chịu tác động của gió Tây khô nóng.

3. Thiên nhiên phân hóa theo độ cao:

Thiên nhiên nước ta có 3 đai cao:

a. Đai nhiệt đới gió mùa:

- Độ cao:
 - + Miền Bắc TB dưới 600 - 700m
 - + Miền Nam 900 - 1000m.
- Khí hậu nhiệt đới, Mùa hạ nóng (nhiệt độ TB tháng 25°C), độ ẩm thay đổi tùy nơi từ khô đến ẩm ướt.
- Đất đai:
 - + đất đồng bằng chiếm gần 24% diện tích đất tự nhiên cả nước: đất phù sa chiếm diện tích lớn nhất, đất phèn, mặn, cát
 - + đất feralit vùng đồi núi thấp chiếm hơn 60% diện tích: feralit nâu đỏ phát triển trên đá mẹ badan và đá vôi.
- Sinh vật:
 - + Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh hình thành ở những vùng núi thấp, mưa nhiều, khí hậu ẩm ướt, mùa khô không rõ. Rừng có cấu trúc nhiều tầng với 3 tầng cây gỗ, có cây cao tới 30 - 40 m, phần lớn là các loại cây nhiệt đới xanh quanh năm. động vật nhiệt đới trong rừng đa dạng và phong phú.
 - + Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa: rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá và rừng thưa nhiệt đới khô. Trên các loại thổ nhưỡng đặc biệt có: các hệ sinh thái rừng thường xanh trên đá vôi, rừng ngập mặn ven biển, rừng tram trên đất phèn, hệ sinh thái xa van, cây bụi gai nhiệt đới khô trên đất cát, đất thoái hoá vùng khô hạn.

b. Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi:

- Độ cao:
 - + Miền Bắc 600 - 700m lên đến 2600m.
 - + Miền Nam 900 - 100m lên 2600m.
- Khí hậu: mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25°C , mưa nhiều, độ ẩm tăng.
- + Độ cao 600 - 700m đến 1600 - 1700m: khí hậu mát mẻ, độ ẩm tăng, hình thành rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim phát triển trên đất Feralit có mùn. Trong rừng xuất hiện các loài chim, thú cận nhiệt đới phương bắc, các loài thú có lông (gấu, sóc, chồn, cáo)
- + 1600 - 1700m hình thành đất mùn, rừng phát triển kém, đơn giản về thành phần loài (rêu, địa y), trong rừng xuất hiện các loài cây ôn đới và các loài chim di cư thuộc khu hệ Himalaya

c. Đai ôn đới gió mùa trên núi:

- Độ cao từ 2600m trở lên, chỉ có ở Hoàng Liên Sơn
- Khí hậu: có tính chất khí hậu ôn đới, nhiệt độ quanh năm dưới 15°C , mùa đông xuống 5°C
- chủ yếu đất mùn thô.
- Sinh vật: các loài thực vật ôn đới như đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam.

4. Các miền địa lý tự nhiên

a. Miền Bắc và ĐB Bắc Bộ

- Giới hạn: từ tả ngạn sông Hồng và rìa phía tây, tây nam đồng bằng bắc bộ
- Đặc điểm:
 - + Đồi núi thấp ưu thế.
 - + Dãy núi hướng vòng cung.
 - + Các Thung lũng sông lớn với đồng bằng mở rộng.
 - + Gió mùa đông bắc hoạt động mạnh tạo nên mùa đông lạnh làm hạ thấp đai cao cận nhiệt với nhiều loại thực vật phương bắc và sự thay đổi cảnh quan thiên nhiên theo mùa.

- Địa hình bờ biển đa dạng: nơi thấp phẳng, nơi nhiều vịnh, đảo, quần đảo. Vùng biển có đầy nông, tuy nhiên vẫn có vịnh nước sâu thuận lợi cho phát triển kinh tế biển.
- TN khoáng sản: than đá, đá vôi, thiếc, ... vùng thềm lục địa có bể dầu khí Sông Hồng

b. Miền TB và Bắc trung Bộ

- Giới hạn: Từ hữu ngạn sông hồng tới dãy núi Bạch Mã.
- Đặc điểm:
 - + Địa hình cao, các dãy núi xen kẽ các thung lũng sông
 - + hướng TB – ĐN.
- Đh cao nhất nước ta với đủ 3 đầu cao.
- địa hình núi chiếm ưu thế, trong vùng núi có nhiều bề mặt sơn nguyên, cao nguyên, long chảo ... thuận lợi cho phát triển chăn nuôi gia súc, trồng cây công nghiệp, phát triển nông – lâm kết hợp.
- Rừng nhiều ở vùng núi nghệ An, Hà Tĩnh (chỉ đứng sau Tây Nguyên)
- Khoáng sản: sắt, crom, titan, thiếc, apatit, vật liệu xây dựng.
- Vùng ven biển: nhiều cồn cát, đầm phá, bãi triều đẹp, nhiều nơi có thể xây dựng cảng biển
- khó khăn: Nhiều bão, lũ lụt, ...

c. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ

- giới hạn từ dải núi Bạch Mã trở vào nam
- Cấu trúc địa hình khá phức tạp:
 - Khí hậu cận xích đạo gió mùa được thể hiện ở nền nhiệt cao, biên độ nhiệt độ năm nhỏ, sự phân chia hai mùa mưa khô rõ rệt.
 - Khí hậu cận xích đạo gió mùa thuận lợi cho sự phát triển rừng cây họ dầu và các loài thú lớn: voi, hổ, bò rừng, trâu rừng.
 - ven biển rừng ngập mặn phát triển Trong rừng còn có các loài rắn, rắn, cá sấu đầm lầy, các loài chim tiêu biểu của vùng ven biển nhiệt đới, xích đạo ẩm, dưới nước nhiều cá tôm.
- TN: dầu khí có trữ lượng lớn. Tây Nguyên có nhiều bôxit
- Khó khăn: + xói mòn, rửa trôi đất ở vùng núi.
 - + ngập lụt trên diện rộng ở đồng bằng nam bộ và hạ lưu các sông lớn trong mùa mưa
 - + Thiếu nước vào mùa khô.

B. PHẦN TRẮC NGHIỆM THEO BÀI

Bài 2. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ

I. Nhận biết

Câu 1: Các nước Đông Nam Á **không** có chung đường biên giới với nước ta trên biển là

- A. Phi-lip-pin, Mi-an-ma.
C. Đông-ti-mo, Mi-an-ma.

- B. Phi-lip-pin, Bru-nây.
D. Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin.

Câu 2: Việt Nam gắn liền với lục địa và đại dương nào sau đây?

- A. Á-Âu và Bắc Băng Dương.
C. Á-Âu và Ấn Độ Dương.

- B. Á-Âu và Đại Tây Dương.
D. Á-Âu và Thái Bình Dương.

Câu 3: Theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, nhà nước ta có chủ quyền gì ở vùng đặc quyền kinh tế?

- A. Hoàn toàn về kinh tế.
C. Không có chủ quyền gì.

- B. Một phần về kinh tế.
D. Hoàn toàn về chính trị.

Câu 4: Hệ tọa độ địa lí trên đất liền nước ta là

- A. $23^{\circ}20'B - 8^{\circ}30'B$ và $102^{\circ}09'D - 109^{\circ}24'D$.
C. $23^{\circ}23'B - 8^{\circ}34'B$ và $102^{\circ}09'D - 109^{\circ}24'D$.
D. $23^{\circ}23'B - 8^{\circ}34'B$ và $102^{\circ}09'D - 109^{\circ}20'D$.

- B. $23^{\circ}23'B - 8^{\circ}30'B$ và $102^{\circ}09'D - 109^{\circ}24'D$.
D. $23^{\circ}23'B - 8^{\circ}34'B$ và $102^{\circ}09'D - 109^{\circ}20'D$.

Câu 5: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi

- A. vị trí trong vùng nội chí tuyến.
C. hoạt động của gió phơn Tây Nam.

- B. địa hình nước ta thấp dần ra biển.
D. địa hình nước ta nhiều đồi núi.

Câu 6: Cơ sở nào sau đây dùng để xác định đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta?

- A. Bên ngoài của lãnh hải.
C. Hệ thống các bãi triều.

- B. Phía trong đường cơ sở.
D. Hệ thống đảo ven bờ.

Câu 7: Vùng biển mà nước ta có quyền thực hiện các biện pháp an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường nhập cư là vùng

- A. lãnh hải. B. tiếp giáp lãnh hải. C. đặc quyền về kinh tế. D. thềm lục địa.

Câu 8: Lãnh hải của nước ta là

- A. vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.
B. vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển rộng 12 hải lí.
C. vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.
D. vùng biển rộng 24 hải lí tính từ đường cơ sở.

Câu 9: Phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài, mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa là

- A. thềm lục địa. B. tiếp giáp lãnh hải. C. lãnh hải. D. đặc quyền kinh tế.

Câu 10: Hai vịnh biển có diện tích lớn nhất nước ta là

- A. vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan.
C. vịnh Thái Lan và vịnh Vân Phong.

- B. vịnh Bắc Bộ và vịnh Nha Trang.
D. vịnh Bắc Bộ và vịnh Vân Phong.

Câu 11: Vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển của nước ta là vùng

- A. lãnh hải. B. đặc quyền kinh tế. C. thềm lục địa. D. tiếp giáp lãnh hải.

Câu 12: Phía tây nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?

- A. Lào và Thái Lan.
C. Lào và Campuchia.

- B. Campuchia và Trung Quốc.
D. Lào và Trung Quốc.

Câu 13: Vùng biển của nước ta **không** tiếp giáp với vùng biển của quốc gia nào sau đây?

- A. Trung Quốc. B. Campuchia. C. Thái Lan. D. Mianma.

Câu 14: Vùng nước nằm trong đường nước cơ sở được gọi là vùng
A. lãnh hải. B. nội thủy. C. đặc quyền kinh tế. D. tiếp giáp lãnh hải.

Câu 15: Huyện đảo nằm cách xa đất liền nhất của nước ta là
A. Hoàng Sa. B. Phú Quốc. C. Phú Quý. D. Trường Sa.

Câu 16: Tỉnh nào sau đây của nước ta có hai huyện đảo?
A. Quảng Trị. B. Quảng Ninh. C. Quảng Ngãi. D. Bình Thuận.

Câu 17: Vùng đất Việt Nam gồm toàn bộ phần đất liền và các
A. hải đảo. B. đảo ven bờ. C. đảo xa bờ. D. quần đảo.

Câu 18: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lí của nước ta?
A. Ở trung tâm bán đảo Đông Dương. B. Trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc.
C. Tiếp giáp với Biển Đông. D. Trong vùng nhiều thiên tai.

Câu 19: Đường biên giới trên đất liền của nước ta phần lớn nằm ở
A. khu vực miền núi. B. khu vực đồng bằng. C. khu vực cao nguyên. D. khu vực trung du.

Câu 20: Nơi có thêm lục địa hẹp nhất nước ta thuộc vùng biển của khu vực
A. Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Nam Trung Bộ. D. Nam Bộ.

Câu 21: Nhận định đúng về đặc điểm địa hình vùng thêm lục địa nước ta là
A. thu hẹp ở phía Bắc, mở rộng ở miền Trung và phía Nam.
B. mở rộng ở phía Bắc, thu hẹp ở miền Trung và phía Nam.
C. mở rộng ở phía Bắc và phía Nam, thu hẹp ở miền Trung.
D. thu hẹp ở phía Bắc và phía Nam, mở rộng ở miền Trung.

II. Thông hiểu

Câu 1: Đường biên giới trên biển và trên đất liền của nước ta dài gấp khó khăn lớn nhất về
A. thu hút đầu tư nước ngoài. B. bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.
C. thiếu nguồn lao động. D. phát triển nền văn hóa.

Câu 2: Ý nghĩa kinh tế của vị trí địa lý nước ta là
A. tự nhiên phân hóa đa dạng giữa Bắc - Nam, Đông - Tây.
B. nguồn tài nguyên sinh vật và khoáng sản vô cùng giàu có.
C. thuận lợi giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới.
D. thuận lợi để xây dựng nền văn hóa tương đồng với khu vực.

Câu 3: Sự đa dạng về bản sắc dân tộc của nước ta là do vị trí
A. có sự gặp gỡ nhiều nền văn minh lớn với văn minh bản địa.
B. diễn ra những hoạt động kinh tế sôi động.
C. nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế lớn.
D. liền kề của hai vành đai sinh khoáng lớn.

Câu 4: Sự phân hóa đa dạng của tự nhiên và hình thành các vùng tự nhiên khác nhau ở nước ta chủ yếu do
A. Khí hậu và sông ngòi. B. Vị trí địa lí và hình thể.
C. Khoáng sản và biển. D. Gió mùa và dòng biển.

Câu 5: Trong các vùng biển sau đây, vùng nào có diện tích lớn nhất?

A. Nội thủy. B. Lãnh hải. C. Tiếp giáp lãnh hải. D. Đặc quyền kinh tế.

Câu 6: Vùng nội thủy của nước ta **không** phải là

- A. cơ sở ven bờ biển để tính chiều rộng lãnh hải.
- B. từ mép nước thủy triều thấp nhất đến đường cơ sở.
- C. vùng tiếp giáp đất liền, ở trong đường cơ sở.
- D. một bộ phận được xem như lãnh thổ trên đất liền.

Câu 7: Nhân tố nào dưới đây quyết định tính phong phú về thành phần loài của giới thực vật nước ta?

- A. Sự phong phú, đa dạng của các nhóm đất và sông ngòi.
- B. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hóa đa dạng.
- C. Địa hình đồi núi chiếm ưu thế, có sự phân hóa phức tạp.
- D. Vị trí trên đường di cư và di lưu của nhiều loài thực vật.

Câu 8: Nhận định nào sau đây **không** đúng về ý nghĩa vị trí địa lí nước ta?

- A. Tạo điều kiện chung sống hòa bình với các nước Đông Nam Á.
- B. Quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên là nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. Tạo điều kiện để xây dựng nền văn hóa thống nhất trong khu vực.
- D. Tạo điều kiện cho phát triển giao thông đường biển quốc tế.

Câu 9: Vị trí địa lí làm cho nước ta phải giải quyết vấn đề kinh tế nào sau đây?

- A. Trình độ phát triển kinh tế rất thấp.
- B. Cạnh tranh gay gắt từ các nước trong khu vực.
- C. Nợ nước ngoài nhiều và tăng nhanh.
- D. Tốc độ tăng trưởng kinh tế không ổn định.

Câu 10: Vị trí địa lí nước ta **không** tạo thuận lợi cho hoạt động nào sau đây?

- A. Mở rộng hợp tác đầu tư với các nước.
- B. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
- C. Phòng chống thiên tai.
- D. Phát triển kinh tế biển.

Câu 11: Ý nghĩa quan trọng về văn hóa - xã hội của vị trí địa lí nước ta là

- A. phát triển giao thông đường bộ, đường biển, đường hàng không.
- B. tạo cầu nối phát triển kinh tế giữa các nước trong khu vực.
- C. tạo điều kiện thu hút vốn và kỹ thuật đầu tư nước ngoài.
- D. tạo điều kiện để chung sống hòa bình với các nước trong khu vực.

Câu 12: Ý nghĩa chiến lược của các đảo và quần đảo nước ta về kinh tế là

- A. căn cứ để tiến ra khai thác nguồn lợi biển.
- B. cơ sở để khẳng định chủ quyền vùng biển.
- C. tạo thành hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.
- D. làm điểm tựa để bảo vệ an ninh quốc phòng.

Câu 13: Vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có

- A. hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm.
- B. gió mùa Đông Bắc hoạt động ở mùa đông.
- C. tổng lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao.
- D. một mùa có mưa nhiều và một mùa mưa ít.

Câu 14: Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có

- A. tổng bức xạ trong năm lớn.
- B. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.
- C. khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt.
- D. nền nhiệt độ cả nước cao.

Câu 15: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có

A. sông ngòi dày đặc. B. địa hình đa dạng. C. nhiều khoáng sản. D. tổng bức xạ lớn.

Câu 16: Nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú là do vị trí địa lí

A. giáp vùng biển rộng lớn, giàu tài nguyên. B. nằm liền kề các vành đai sinh khoáng lớn.

C. nằm trên đường di lưu và di cư sinh vật. D. có hoạt động của gió mùa và Tín phong.

Câu 17: Do lãnh thổ kéo dài trên nhiều vĩ độ nên tự nhiên nước ta có sự phân hóa rõ rệt

A. giữa miền núi với đồng bằng. B. giữa miền Bắc với miền Nam.

C. giữa đồng bằng và ven biển. D. giữa đất liền và ven biển.

Câu 18: Nhận định nào dưới đây **không** đúng về lãnh hải nước ta?

A. Thuộc chủ quyền quốc gia trên biển. B. Có chiều rộng 12 hải lí.

C. Có độ sâu khoảng 200m. D. Được coi là đường biên giới trên biển.

Câu 19: Vị trí địa lí của nước ta tạo điều kiện thuận lợi cho

A. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới. B. bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc phòng.

C. phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. D. phát triển nền nông nghiệp cận nhiệt đới.

III. Vận dụng

Câu 1: Khí hậu nước ta **không** khô hạn như các nước cùng vĩ độ vì

A. nước ta nằm liền kề với 2 vành đai sinh khoáng lớn.

B. ảnh hưởng của biển Đông và các khối khí di chuyển qua biển.

C. nước ta nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới Bắc bán cầu.

D. thiên nhiên chịu ảnh hưởng rõ rệt của gió Tín phong.

Câu 2: Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của của thiên nhiên nước ta là

A. Mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. B. Có nền nhiệt độ cao, chan hòa ánh nắng.

C. Khí hậu có một mùa đông lạnh, ít mưa. D. Chịu ảnh hưởng chế độ gió mùa châu á.

Câu 3: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta?

A. Vùng biển có diện tích lớn gấp ba lần vùng đất liền.

B. Thềm lục địa nông, mở rộng ở phía Bắc và phía Nam.

C. Độ nông - sâu của thềm lục địa đồng nhất từ Bắc vào Nam.

D. Thềm lục địa miền Trung hẹp, tiếp giáp với vùng biển sâu.

Câu 4: Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu kết hợp các loại hình giao thông vận tải nào?

A. Đường sắt và đường biển.

B. Đường biển và đường hàng không.

C. Đường bộ và đường hàng không.

D. Đường sắt và đường bộ.

BÀI 6,7; ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI

I. Nhận biết

Câu 1: Địa hình nước ta **không** có đặc điểm chung nào sau đây?

- A. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là núi cao.
- B.** Cấu trúc địa hình khá đa dạng.
- C. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
- D. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.

Câu 2: Các cao nguyên ở nước ta thuận lợi nhất để phát triển hoạt động kinh tế nào sau đây?

- A. Chăn nuôi gia súc nhỏ.
- B.** Chăn nuôi gia cầm.
- C. Phát triển cây công nghiệp lâu năm.
- D.** Phát triển cây công nghiệp hàng năm.

Câu 3: Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình nước ta là

- A. xói mòn, rửa trôi.
- B.** bồi tụ, mài mòn.
- C. xâm thực, bồi tụ.
- D.** bồi tụ, xói mòn.

Câu 4: Đồng bằng ven biển ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mở rộng về phía Nam.
- B.** Thu hẹp về phía Nam.
- C. Kéo dài liên tục theo chiều Bắc - Nam.
- D.** Phân bố xen kẽ các cao nguyên đá vôi.

Câu 5: Vùng đất ngoài đê ở đồng bằng sông Hồng là nơi

- A. có bậc ruộng cao bạc màu.
- B.** có nhiều ô trũng ngập nước.
- C. không được bồi đắp thường xuyên.
- D. được bồi đắp phù sa thường xuyên.

Câu 6: Than nâu tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B.** Đồng bằng sông Hồng.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 7: Địa hình núi cao tập trung chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

- A. Trường Sơn Bắc.
- B.** Đông Bắc.
- C. Trường Sơn Nam.
- D. Tây Bắc.

Câu 8: Vùng núi nào sau đây nằm giữa sông Hồng và sông Cả?

- A. Trường Sơn Bắc.
- B.** Tây Bắc.
- C. Đông Bắc.
- D.** Trường Sơn Nam.

Câu 9: Đặc điểm nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

- A. có các cao nguyên ba dan, xếp tầng.
- B.** núi thấp chiếm ưu thế, hướng vòng cung.
- C. có các khối núi cao và đồ sộ nhất nước ta.
- D.** có 3 mạch núi hướng tây bắc - đông nam.

Câu 10: Khu vực nào sau đây ở Đồng bằng sông Cửu Long tập trung nhiều than bùn nhất?

- A. Kiên Giang.
- B.** Đồng Tháp Mười.
- C. Tứ giác Long Xuyên.
- D. U Minh.

Câu 11: Đặc điểm địa hình thấp, được nâng cao ở hai đầu, thấp trũng ở giữa là của vùng núi nào sau đây?

- A. Trường Sơn Nam.
- B.** Đông Bắc.
- C. Trường Sơn Bắc.
- D.** Tây Bắc.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dải đồng bằng ven biển miền Trung?

- A. Biển đóng vai trò hình thành chủ yếu.
- B.** Đất thường nghèo, có ít phù sa sông.
- C. Ở giữa có nhiều vùng trũng rộng lớn.
- D.** Hẹp ngang và bị các dãy núi chia cắt.

Câu 13: Địa hình của vùng núi Tây Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chủ yếu là đồi núi thấp, hướng tây bắc - đông nam.
- B.** Địa hình cao nhất nước, hướng tây bắc - đông nam.
- C. Có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông - Tây.
- D.** Thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu, thấp ở giữa.

Câu 14: Vùng Đồng bằng sông Hồng nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Vùng đất trong đê được bồi đắp hàng năm. **B.** Địa hình cao ở phía tây và tây bắc.
C. Có hệ thống đê ven sông để ngăn lũ. **D.** Bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô.

Câu 15: Vùng núi có các thung lũng sông cùng hướng Tây Bắc - Đông Nam điển hình là

- A.** Đông Bắc. B. Tây Bắc. **C.** Trường Sơn Bắc. **D.** Trường Sơn Nam.

Câu 16: Nơi có thêm lục địa hẹp nhất nước ta thuộc vùng biển của khu vực

- A.** Bắc Bộ. **B.** Bắc Trung Bộ. C. Nam Trung Bộ. **D.** Nam Bộ.

Câu 17: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình Việt Nam?

- A.** Đồi núi chiếm phần lớn diện tích. B. Hầu hết là địa hình núi cao.
C. Có sự phân bậc rõ rệt theo độ cao. **D.** Địa hình vùng nhiệt đới gió mùa.

Câu 18: Hướng nghiêng chung của địa hình nước ta là

- A.** bắc - nam. **B.** tây bắc - đông bắc. C. tây bắc - đông nam. **D.** tây - đông.

Câu 19: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ địa hình núi nước ta đa dạng?

- A.** có các cao nguyên bazan xếp tầng và cao nguyên đá vôi.
B. có núi cao, núi thấp, núi trung bình, sơn nguyên, cao nguyên.
C. bên cạnh các dãy núi cao, đồ sộ, có nhiều núi thấp.
D. nước ta vừa có núi, có đồi, vừa có sông và biển.

Câu 20: Vòng cung là hướng chính và điển hình nhất của

- A.** dãy Hoàng Liên Sơn. B. các dãy núi Đông Bắc
C. khối núi cực Nam Trung Bộ. **D.** dãy Trường Sơn Bắc

Câu 21: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

- A. đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích. **B.** các mạch núi lớn hướng Tây Bắc - Đông Nam
C. có rất nhiều đỉnh núi cao nhất nước ta. **D.** gồm các dãy núi liền kề với các cao nguyên.

Câu 22: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình vùng núi Đông Bắc?

- A. Nằm ở phía Tây thung lũng sông Hồng. **B.** Có 4 dãy núi lớn hướng vòng cung.
C. Thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. **D.** Ở trung tâm là vùng đồi núi thấp

Câu 23: Đặc điểm nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc là

- A.** gồm các khối núi và cao nguyên. B. có nhiều dãy núi cao và đồ sộ.
C. gồm 4 cánh cung lớn. **D.** địa hình thấp và hẹp ngang.

Câu 24: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình vùng núi Tây Bắc?

- A.** Nằm giữa sông Hồng và sông Cả. **B.** Nhiều đỉnh núi cao nhất nước ta.
C. Có 3 dải địa hình hướng Tây Bắc - Đông Nam. D. Có các cao nguyên ba dan xếp tầng.

Câu 25: Ba dải địa hình cùng chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam ở Tây Bắc là

- A. Hoàng Liên Sơn, núi dọc biên giới Việt Lào, các sơn nguyên và cao nguyên.
B. Hoàng Liên Sơn, Phan-xi-păng, núi dọc biên giới Việt - Lào.
C. Núi dọc biên giới Việt - Lào, Phan-xi-păng, các sơn nguyên và cao nguyên.
D. Các sơn nguyên và cao nguyên, Hoàng Liên Sơn, Phan-xi-păng.

Câu 26: Địa hình núi cao nhất ở Tây Bắc là

- A. dãy Hoàng Liên Sơn. **B.** biên giới Việt - Lào.
C. biên giới Việt - Trung. **D.** các sơn nguyên đá vôi.

Câu 27: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Là đồng bằng châu thổ rộng lớn. B. Được bồi đắp phù sa của sông Cửu Long.
C. Trên bề mặt có nhiều đê sông. D. Có mạng lưới kênh rạch chằng chịt.

Câu 28: Đặc điểm giống nhau giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là

- A. có hệ thống đê sông và đê biển. B. do phù sa các sông lớn tạo nên.
C. có nhiều sông ngòi, kênh rạch. D. bị thủy triều tác động rất mạnh.

Câu 29: Đặc điểm khác nhau giữa Đồng bằng sông Hồng với Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. diện tích lãnh thổ rộng lớn hơn. B. thủy triều xâm nhập sâu về mùa cạn.
C. gồm đất phù sa trong đê và ngoài đê. D. mạng lưới sông ngòi dày đặc hơn.

II. Thông hiểu

Câu 1: Đặc điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi trung du là

- A. bị chia cắt do tác động của dòng chảy. B. nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.

- C. có cả đất phù sa cổ lẫn đất đỏ ba dan. D. độ cao khoảng từ 100m đến 200m.

Câu 2: Đất đai ở vùng ven biển miền Trung thường nghèo dinh dưỡng, nhiều cát, ít phù sa sông chủ yếu do

- A. cát sông miền Trung ngắn và rất nghèo phù sa.
B. bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều.
C. đồng bằng nằm ở chân núi, nhận nhiều cát sỏi trôi xuống.
D. trong sự hình thành đồng bằng, biển đóng vai trò chủ yếu.

Câu 3: So với khu vực Đông Bắc, khu vực Tây Bắc nước ta có

- A. trữ năng thủy điện lớn hơn. B. khoáng sản phong phú hơn.
C. cơ sở vật chất, hạ tầng tốt hơn. D. nhiều trung tâm công nghiệp hơn.

Câu 4: Nhận định nào sau đây **không** đúng về thế mạnh của khu vực đồng bằng ở nước ta?

- A. Tập trung các thành phố, các khu công nghiệp.
B. Các sông có trữ năng thủy điện lớn.
C. Phát triển giao thông vận tải đường bộ, đường sông.
D. Thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.

Câu 5: Đặc điểm nào sau đây **không** phải của sông ngòi miền Trung nước ta?

- A. Có lũ vào thu - đông. B. Chế độ nước thất thường.
C. Dòng sông ngắn và dốc. D. Lũ lên chậm xuống chậm.

Câu 6: Thuận lợi nào sau đây **không** phải là chủ yếu của khu vực đồng bằng ở nước ta?

- A. Là cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới. B. Cung cấp một số nguồn lợi về thủy sản, lâm sản.
C. Phát triển mạnh cây công nghiệp dài ngày. D. Tập trung các khu công nghiệp, thành phố.

Câu 7: Khu vực được bồi tụ phù sa vào mùa lũ ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. các ô trũng ngập nước. B. rìa phía tây và tây bắc.
C. vùng ngoài đê. D. vùng trong đê.

Câu 8: Đâu là ranh giới giữa vùng núi Trường Sơn Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam của nước ta?

A. Dãy núi Hoàng Sơn. B. Sông Cả. C. Dãy núi Bạch Mã. D. Sông Hồng.

Câu 9: Thế mạnh nào sau đây **không** phải ở khu vực đồi núi của nước ta?

- A. Tập trung nhiều khoáng sản. B. Phát triển cây công nghiệp dài ngày.
C. Sông ngòi có tiềm năng thủy điện lớn. D. Thuận lợi phát triển giao thông vận tải.

Câu 10: Miền núi nước ta có thuận lợi nào sau đây để phát triển du lịch?

- A. Giao thông thuận lợi. B. Khí hậu ít thiên tai.
C. Có nhiều cảnh quan đẹp. D. Nguồn lao động đông đảo.

Câu 11: Trở ngại lớn nhất của địa hình đồi núi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta là

- A. địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều sông suối, hẻm vực.
B. địa hình dốc, đất dễ bị xói mòn; hay xảy ra lũ quét.
C. động đất dễ phát sinh ở những vùng đứt gãy sâu.
D. thiếu đất canh tác, thiếu nước; nhất là vùng núi đá vôi.

Câu 12: Miền núi nước ta thuận lợi cho việc hình thành các vùng chuyên canh cây

- A. công nghiệp. B. lương thực. C. thực phẩm. D. hoa màu.

Câu 13: Điểm khác biệt rõ nét về địa hình giữa vùng núi Trường Sơn Nam so với vùng núi Trường Sơn Bắc là

- A. địa hình có độ cao nhỏ hơn. B. núi theo hướng vòng cung.
C. độ dốc địa hình nhỏ hơn. D. có các khối núi và cao nguyên.

Câu 14: Thuận lợi nào sau đây **không** phải là chủ yếu của thiên nhiên khu vực đồng bằng đối với sản xuất?

- A. Cung cấp các nguồn lợi khác về thủy sản, lâm sản, khoáng sản.
B. Là cơ sở để đa dạng hóa cây trồng, phát triển nông nghiệp nhiệt đới.
C. Là điều kiện thuận lợi để tập trung các khu công nghiệp, thành phố.
D. Là địa bàn thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp lâu năm.

Câu 15: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ địa hình núi nước ta đa dạng?

- A. Miền Bắc có các cao nguyên ba dan xếp tầng và cao nguyên đá vôi.
B. Bên cạnh các dãy núi cao, đồ sộ có nhiều núi thấp.
C. Bên cạnh núi cao, đồng bằng còn có vùng đồi trung du.
D. Gồm nhiều dạng địa hình: núi cao, núi trung bình, núi thấp, cao nguyên.

Câu 16: Trên các bề mặt cao nguyên có nhiều thuận lợi để phát triển

- A. rừng, chăn nuôi, cây lương thực, cây công nghiệp.
B. lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản.
C. chăn nuôi, thủy sản, cây công nghiệp.
D. trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi gia súc.

Câu 17: So với Đồng bằng sông Cửu Long thì địa hình Đồng bằng sông Hồng

- A. thấp hơn và bằng phẳng hơn. B. cao hơn và bằng phẳng hơn.
C. thấp hơn và ít bằng phẳng hơn. D. cao hơn và ít bằng phẳng hơn.

Câu 18: Điểm giống nhau giữa Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Đều là các đồng bằng phù sa châu thổ sông. B. Có hệ thống đê sông kiên cố để ngăn lũ.
C. Có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. D. Có đất mặn, đất phèn chiếm phần lớn diện tích.

Câu 19: Vùng đất ngoài đê Đồng bằng sông Hồng là nơi

- A. không được bồi tụ phù sa hàng năm.
- B. có nhiều ô trũng ngập nước.
- C. có bậc ruộng cao bạc màu.
- D. thường xuyên được bồi tụ phù sa.

Câu 20: Điểm nào sau đây **không** đúng với dải đồng bằng ven biển miền Trung?

- A. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
- B. Đồng bằng có diện tích lớn, mở rộng về phía biển.
- C. Đất thường nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.
- D. Từ tây sang đông thường có 3 dải địa hình.

Câu 21: Đồng bằng ven biển miền Trung có

- A. bờ biển thấp, phẳng.
- B. thêm lục địa mở rộng.
- C. vũng, vịnh, đầm phá ven biển.
- D. nhiều cửa sông lớn đổ ra biển.

Câu 22: Đặc điểm nào sau đây đúng với Đồng bằng ven biển miền Trung nước ta?

- A. Nằm gần vùng biển nông, thêm lục địa mở rộng.
- B. Có cồn cát, đầm phá; vùng trũng thấp; đồng bằng.
- C. Có nhiều ruộng cao bạc màu và ô trũng ngập nước.
- D. Địa hình thấp, dễ bị thủy triều xâm nhập sâu.

Câu 23: Do biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành Đồng bằng Duyên hải miền Trung nên

- A. đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.
- B. đồng bằng có hình dạng hẹp ngang, kéo dài.
- C. bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
- D. có độ cao không lớn, nhiều cồn cát ven biển.

Câu 24: Khả năng phát triển du lịch ở miền núi chủ yếu do có

- A. nhiều địa hình hang động đẹp.
- B. phong cảnh đẹp, khí hậu mát mẻ.
- C. tài nguyên sinh vật phong phú.
- D. tiềm năng thủy điện lớn.

Câu 25: Thế mạnh nào sau đây **không** nổi bật ở khu vực đồi núi nước ta là

- A. nguồn thủy năng dồi dào.
- B. tiềm năng du lịch phong phú.
- C. cơ sở để phát triển nông - lâm nghiệp.
- D. đất rộng cho trồng cây lương thực.

Câu 26: Khu vực đồi núi nước ta **không** phải là nơi có

- A. địa hình dốc, bị chia cắt mạnh.
- B. hạn hán, ngập lụt thường xuyên.
- C. nhiều hẻm vực, lắm sông suối.
- D. xói mòn và trượt lở đất nhiều.

Câu 27: Cơ sở cho việc đa dạng hóa cơ cấu cây trồng ở miền núi nước ta chủ yếu do có

- A. nguồn nước dồi dào và cung cấp đủ quanh năm.
- B. địa hình đa dạng, khác nhau giữa các khu vực.
- C. đất feralit diện tích rộng, có nhiều loại khác nhau.
- D. khí hậu miền núi có sự phân hóa rõ rệt theo độ cao.

Câu 28: Việc giao lưu kinh tế giữa các vùng ở miền núi gặp khó khăn thường xuyên, chủ yếu là do

- A. địa hình cao bị chia cắt mạnh.
- B. tiềm ẩn nguy cơ động đất.
- C. khan hiếm nước vào mùa khô.
- D. thiên tai dễ xảy ra.

Câu 29: Hậu quả chủ yếu của việc khai thác, sử dụng đất và rừng không hợp lý ở miền đồi núi là

- A. ô nhiễm không khí.
- B. ô nhiễm nguồn nước.
- C. thiên tai dễ xảy ra.
- D. cạn kiệt tài nguyên.

Câu 30: Hạn chế lớn nhất của vùng núi đá vôi nước ta là

- A. dễ xảy ra lũ nguồn, lũ quét.
- B. nhiều nguy cơ phát sinh động đất.

C. dễ xảy ra tình trạng thiếu nước.

D. dễ xảy ra cháy rừng.

Câu 31: Khu vực đồi núi nước ta **không** có thể mạnh chủ yếu nào sau đây?

A. Trồng cây công nghiệp dài ngày và chăn nuôi gia súc.

B. Khai thác tài nguyên khoáng sản, phát triển thủy điện.

C. Phát triển lâm nghiệp và du lịch.

D. Nuôi trồng thủy sản quy mô lớn.

III. Vận dụng

Câu 1: Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồi núi nước ta là

A. thường xuyên xảy ra thiên tai.

B. địa hình bị chia cắt mạnh trở ngại cho giao thông.

C. sông ngòi ít có giá trị về giao thông đường thủy.

D. khoáng sản phân bố phân tán theo không gian.

Câu 2: Yếu tố quyết định tạo nên tính phân bậc của địa hình Việt Nam là

A. tác động của vận động Tân kiến tạo.

B. sự xuất hiện khá sớm của con người.

C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

D. vị trí địa lí giáp Biển Đông.

Câu 3: Điểm giống nhau chủ yếu của địa hình vùng núi Đông Bắc và vùng núi Tây Bắc là

A. đồi núi thấp chiếm ưu thế.

B. hướng nghiêng Tây Bắc - Đông Nam.

C. có một số sơn nguyên, cao nguyên đá vôi.

D. có nhiều khối núi cao đồ sộ.

Câu 4: Mùa đông ở vùng núi Đông Bắc đến sớm và kết thúc muộn hơn các vùng khác chủ yếu là do

A. phần lớn diện tích vùng là địa hình đồi núi thấp.

B. nhiều đỉnh núi cao giáp biên giới Việt - Trung.

C. các dãy núi có hướng vòng cung, đón gió mùa mùa đông.

D. địa hình có hướng nghiêng từ Tây Bắc xuống Đông Nam.

Câu 5: Về mùa khô, nước triều lấn mạnh làm 2/3 diện tích đồng bằng sông Cửu Long bị nhiễm mặn chủ yếu do

A. địa hình thấp, bằng phẳng.

B. có nhiều vùng trũng rộng lớn.

C. có mạng lưới kênh rạch chằng chịt.

D. biển bao bọc ba phía của đồng bằng.

BÀI 8. THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN

I. Nhận biết

Câu 1: Hai bể dầu khí có trữ lượng lớn nhất ở thềm lục địa Biển Đông nước ta là

A. Sông Hồng và Trung Bộ.

B. Cửu Long và Sông Hồng.

C. Nam Côn Sơn và Cửu Long.

D. Nam Côn Sơn và Thổ Chu - Mã Lai.

Câu 2: Vùng kinh tế nào sau đây của nước ta có duy nhất một tỉnh giáp biển?

A. Đông Nam Bộ.

B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 3: Những tỉnh, thành phố nào sau đây của nước ta có 2 huyện đảo?

A. Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang.

B. Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang.

C. Quảng Ninh, Đà Nẵng, Kiên Giang.

D. Quảng Ninh, Hải Phòng, Kiên Giang.

Câu 4: Đặc điểm chung vùng biển nước ta là

- A. biển lớn, mở rộng ra đại dương và nóng quanh năm.
- B. biển nhỏ, tương đối kín và nóng quanh năm.
- C. biển lớn, tương đối kín, mang tính nhiệt đới gió mùa.
- D. biển nhỏ, mở và mang tính chất nhiệt đới gió mùa.

Câu 5: Biển Đông có đặc điểm nào sau đây?

- A. Nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. Là biển nhỏ trong các biển của Thái Bình Dương.
- C. Nằm ở rìa phía đông của Thái Bình Dương.
- D. Phía đông và đông nam mở rộng ra đại dương.

Câu 6: Tính chất nhiệt đới của biển Đông được thể hiện rõ trong đặc điểm nào sau đây?

- A. nhiệt độ nước biển cao, trung bình năm trên 23°C .
- B. Độ mặn trung bình 32 - 33‰, thay đổi theo mùa.
- C. Sóng biển mạnh nhất vào thời kì gió mùa Đông Bắc.
- D. Trong năm thủy triều biến động theo hai mùa lũ cạn.

Câu 7: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với Biển Đông ?

- A. Là biển tương đối kín.
- B. Nằm trong vùng nhiệt đới khô.
- C. Phía đông và đông nam là vòng cung đảo.
- D. Phía bắc và phía tây là lục địa.

Câu 8: Biển Đông là một vùng biển

- A. diện tích không rộng.
- B. có đặc tính nóng ẩm.
- C. mở rộng ra Thái Bình Dương.
- D. ít chịu ảnh hưởng của gió mùa.

Câu 9: Đặc điểm nào sau đây **không** phải của Biển Đông?

- A. Là biển rộng.
- B. Là biển tương đối kín.
- C. Là biển lạnh.
- D. Nhiệt đới gió mùa.

Câu 10: Phát biểu nào dưới đây **không** đúng khi nói về ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu nước ta?

- A. Làm dịu tính nóng bức của mùa hạ.
- B. Làm cho khí hậu khô hạn.
- C. Tăng độ ẩm tương đối của không khí.
- D. Mang lại lượng mưa lớn.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Biển Đông ?

- A. Là biển tương đối kín.
- B. Nằm trong vùng nhiệt đới khô.
- C. Phía bắc và phía tây là lục địa.
- D. Phía đông và đông nam là vòng cung đảo.

II. Thông hiểu

Câu 1: Biển Đông nằm trong vùng nội chí tuyến nên có đặc tính là

- A. độ mặn không lớn.
- B. có nhiều dòng hải lưu.
- C. nóng ẩm quanh năm.
- D. biển tương đối lớn.

Câu 2: Biển Đông là vùng biển tương đối kín là nhờ

- A. nằm giữa hai lục địa A - Âu và Ô-xtrây-li-a
- B. bao quanh bởi hệ thống đảo và quần đảo.
- C. nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
- D. trong năm thủy triều biến động theo mùa.

Câu 3: Vị trí khép kín của biển Đông đã làm cho

- A. biển Đông ít bị thiên tai, khí hậu khá ổn định.

- B. nhiệt độ cao và chịu ảnh hưởng của gió mùa.
- C. hải lưu có tính khép kín, chảy theo hướng gió mùa.
- D. trong năm thủy triều biến động theo hai mùa lũ cạn.

Câu 4: Đặc điểm nào sau đây của biển Đông có ảnh hưởng lớn nhất đến tự nhiên nước ta?

- A. Có diện tích lớn, lượng nước dồi dào.
- B. Nóng ẩm và chịu ảnh hưởng của gió mùa.
- C. Biển kín và có các hải lưu chảy khép kín.
- D. Có diện tích lớn, thêm lục địa mở rộng.

Câu 5: Biển Đông có ảnh hưởng sâu sắc đến thiên nhiên phần đất liền nước ta chủ yếu do

- A. biển Đông là một vùng biển rộng lớn.
- B. hướng nghiêng địa hình thấp dần ra biển.
- C. có nhiều vũng, vịnh ăn sâu vào đất liền.
- D. hình dạng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.

Câu 6: Biển Đông ảnh hưởng trực tiếp nhất đến thành phần tự nhiên nào sau đây ?

- A. Đất đai.
- B. Địa hình.
- C. Khí hậu.
- D. Sông ngòi.

Câu 7: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ảnh hưởng của Biển Đông đối với khí hậu nước ta ?

- A. Làm tăng độ ẩm tương đối của không khí.
- B. Giảm độ lục địa của các vùng đất phía tây.
- C. Biển Đông mang lại một lượng mưa lớn.
- D. Làm tăng độ lạnh của gió mùa Đông Bắc.

Câu 8: Biển Đông làm cho khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương là do đặc điểm

- A. biển rộng, nhiệt độ cao và biến động theo mùa.
- B. biển rộng, nhiệt độ cao và có hải lưu.
- C. biển rộng, nhiệt độ cao và chế độ triều phức tạp.
- D. biển rộng, nhiệt độ cao và tương đối kín.

Câu 9: Nhờ tiếp giáp với biển Đông nên khí hậu nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có sự phân hóa đa dạng giữa các khu vực.
- B. Mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng.
- C. Chịu tác động thường xuyên của gió mùa.
- D. Có khí hậu nhiệt đới nóng ẩm và mưa nhiều.

Câu 10: Biểu hiện của tính đa dạng địa hình ven biển nước ta là có nhiều

- A. vịnh cửa sông và bờ biển mài mòn.
- B. đảo ven bờ và quần đảo xa bờ.
- C. dạng địa hình khác nhau ở ven biển.
- D. đầm phá và các bãi cát phẳng.

Câu 11: Phát biểu nào dưới đây **không** đúng khi nói về ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu nước ta?

- A. Mang lại lượng mưa, ẩm lớn.
- B. Lượng mưa lớn và theo mùa.
- C. Tăng độ ẩm tương đối của không khí.
- D. Làm dịu tính nóng bức của mùa hạ.

Câu 12: Nước ta **không** có nhiều hoang mạc như các nước cùng vĩ độ ở Tây Á do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Nằm trên đường di cư của các luồng sinh vật.
- B. Nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á.
- C. Tiếp giáp Biển Đông và lãnh thổ hẹp ngang, kéo dài.
- D. Nằm trong khu vực nội chí tuyến bán cầu Bắc.

Câu 13: Thế mạnh về tự nhiên nào sau đây là quan trọng nhất để phát triển khai thác thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ ?

- A. Nhiều vịnh, đầm phá, bãi triều rộng. **B.** Bờ biển dài, có nhiều ngư trường lớn.
C. Ít chịu ảnh hưởng của bão và gió mùa Đông Bắc. **D.** Bờ biển có nhiều vịnh để xây dựng cảng cá.

Câu 14: Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự suy giảm diện tích rừng ngập mặn ở nước ta hiện nay là do

- A. môi trường nước ô nhiễm. **B.** mở rộng đất nông nghiệp.
C. khai thác rừng lấy gỗ, củi. **D.** biến đổi khí hậu toàn cầu.

Câu 15: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông, nên có

- A. nhiệt độ trung bình cao. **B.** độ ẩm không khí lớn.
C. địa hình nhiều đồi núi. **D.** sự phân mùa khí hậu.

Câu 16: Nơi có nhiệt độ cao, nhiều nắng, ít sông đổ ra biển thuận lợi nhất cho nghề

- A. khai thác hải sản. **B.** làm muối. C. nuôi trồng thủy sản. **D.** chế biến thủy sản.

Câu 17: Đặc điểm nào sau đây của Biển Đông có ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta?

- A. Có diện tích lớn gần 3,5 triệu km². **B.** Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. Biển tương đối kín. **D.** Có thềm lục địa rộng.

Câu 18: Nhiệt độ nước biển Đông có đặc điểm nào sau đây?

- A. Cao và giảm dần từ bắc vào Nam. **B.** Cao và tăng dần từ Bắc vào Nam.
C. Thấp và tăng dần từ Bắc vào Nam. **D.** Thấp và giảm dần từ Bắc vào Nam.

III. Vận dụng

Câu 1: Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về ngư trường Cà Mau - Kiên Giang?

- A.** Ở phía Đông Nam đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Thuộc vùng đồng bằng Sông Cửu Long.
C. Có tên gọi khác là ngư trường Vịnh Thái Lan. **D.** Nguồn hải sản phong phú, nhiều loại có giá trị.

Câu 2: Vùng có điều kiện thuận lợi nhất để sản xuất muối ở nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Đồng bằng sông Hồng.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.

Câu 3: Vùng ven biển nước ta chiếm ưu thế nhất là hệ sinh thái

- A.** rừng ngập mặn. **B.** trên đất phèn.
C. rừng trên đất, đá pha cát ven biển. **D.** rừng trên đảo và rạn san hô.

Câu 4: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông, nên có

- A. nhiệt độ trung bình cao. **B.** độ ẩm không khí cao.
C. địa hình nhiều đồi núi. **D.** sự phân mùa khí hậu.

Câu 5: Biển Đông làm cho khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương là nhờ vào đặc điểm

- A.** biển rộng, nhiệt độ cao và biến động theo mùa. **B.** biển rộng, nhiệt độ cao và có hải lưu.
C. biển rộng, nhiệt độ cao và chế độ triều phức tạp. **D.** biển rộng, nhiệt độ cao và tương đối kín.

Câu 6: Biểu hiện khép kín của Biển Đông là

- A. vùng biển rộng, có nhiều đảo và quần đảo.
 B. hướng hải lưu chịu ảnh hưởng của gió mùa.
 C. biển nóng ẩm, độ mặn tương đối cao.
 D. vùng biển chịu ảnh hưởng của gió mùa.

BÀI 9;10. CHỦ ĐỀ: THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỐI ẨM GIÓ MÙA

I. Nhận biết

Câu 1: Loại gió thổi quanh năm ở nước ta là

- A. Tây ôn đới. B. Tín phong. C. gió phơn. D. gió mùa.

Câu 2: Do tác động của gió mùa Đông Bắc nên nửa đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết

- A. lạnh, ẩm. B. ẩm, ẩm. C. lạnh, khô. D. ẩm, khô.

Câu 3: Nhịp điệu dòng chảy của sông ngòi nước ta theo sát

- A. hướng các dòng sông. B. hướng các dãy núi. C. chế độ nhiệt. D. chế độ mưa.

Câu 4: Hệ quả của quá trình xâm thực mạnh ở khu vực đồi núi nước ta là quá trình

- A. phong hóa. B. bồi tụ. C. bóc mòn. D. rửa trôi.

Câu 5: Gió mùa mùa hạ hoạt động ở đồng bằng Bắc Bộ có hướng chủ yếu là

- A. tây nam. B. đông nam. C. đông bắc. D. tây bắc.

Câu 6: Gió mùa đông bắc xuất phát từ

- A. biển Đông. B. Ấn Độ Dương. C. áp cao Xibia. D. vùng núi cao.

Câu 7: Gió mùa đông bắc thổi vào nước ta theo hướng

- A. tây bắc. B. đông bắc. C. đông nam. D. tây nam.

Câu 8: Tính chất của gió mùa mùa hạ là

- A. nóng, khô. B. nóng, ẩm. C. lạnh, ẩm. D. lạnh, khô.

Câu 9: Gió mùa đông bắc tạo nên một mùa đông lạnh ở

- A. miền Trung. B. miền Bắc. C. miền Nam. D. Tây Nguyên.

Câu 10: Gió mùa đông bắc gần như bị chặn lại ở dãy núi nào sau đây?

- A. Tam Điệp. B. Hoàng Sơn. C. Bạch Mã. D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 11: Gió mùa mùa hạ hoạt động ở nước ta vào thời gian nào sau đây?

- A. Tháng 6 đến 10. B. Tháng 8 đến 10. C. Tháng 1 đến 12. D. Tháng 5 đến 10.

Câu 12: Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình hiện tại của nước ta là

- A. xâm thực - bồi tụ. B. xâm thực C. bồi tụ. D. bồi tụ - xói mòn.

Câu 13: Nơi có sự bào mòn, rửa trôi đất đai mạnh nhất là

- A. đồng bằng. B. miền núi. C. ô trũng. D. ven biển.

Câu 14: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta là

- A. đất xám bạc màu. B. đất mùn thô. C. đất phù sa. D. đất feralit.

Câu 15: Nước ta có khoảng bao nhiêu con sông dài trên 10km ?

- A. 2360. B. 2620. C. 3260. D. 3630.

Câu 16: Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình vùng ven biển nước ta là

- A. mài mòn - bồi tụ. B. xâm thực - thổi mòn. C. xâm thực - bồi tụ. D. bồi tụ - xói mòn.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu Việt Nam?

- A. Khí hậu có sự phân hoá đa dạng. B. Khí hậu mang tính chất nhiệt đới.
C. Mùa đông lạnh kéo dài 2 - 3 tháng. D. Chịu tác động sâu sắc của gió mùa.

Câu 18: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quyết định bởi

- A. ảnh hưởng của biển Đông rộng lớn. B. ảnh hưởng sâu sắc hoàn lưu gió mùa.
C. vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến. D. chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.

Câu 19: Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do

- A. quá trình tích tụ mùn mạnh. B. rửa trôi các chất bazo dễ tan.
C. tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm. D. quá trình phong hóa mạnh mẽ.

Câu 20: Phát biểu nào sau đây là biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta?

- A. Cán cân bức xạ quanh năm âm. B. Sinh vật cận nhiệt đới chiếm ưu thế.
C. Xâm thực mạnh ở miền đồi núi. D. Chế độ nước sông không phân mùa.

Câu 21: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

- A. rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa. B. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
C. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh. D. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.

Câu 22: Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Quá trình phong hóa diễn ra mạnh. B. Tích tụ ôxit sắt Fe_2O_3 .
C. Mưa nhiều, rửa trôi các chất bazo. D. Tích tụ ôxit nhôm Al_2O_3 .

Câu 23: Vào mùa đông, gió mùa Đông Bắc ở miền Bắc nước ta thổi xen kẽ với

- A. gió Tây ôn đới. B. Tín phong bán cầu Bắc.
C. phơn Tây Nam. D. Tín phong bán cầu Nam.

Câu 24: Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do

- A. chế độ mưa mùa. B. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.
C. hoạt động của bão. D. sự đa dạng của hệ thống sông ngòi.

Câu 25: Gió nào sau đây gây mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ?

- A. Gió mùa Đông Bắc. B. Tín phong bán cầu Bắc.
C. Gió phơn Tây Nam. D. Tín phong bán cầu Nam.

Câu 26: Gió mùa đông bắc hoạt động vào thời gian nào sau đây?

- A. Thu - đông. B. Tháng 5 đến tháng 10.
D. Mùa đông. C. Tháng 11 đến tháng 4.

Câu 27: Vào đầu mùa hạ, gió mùa mùa hạ xuất phát từ đâu?

- A. Áp cao bắc Ấn Độ Dương. B. Biển Đông.
C. Áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam. D. Cao áp Xi bia.

Câu 28: Đặc điểm của đất feralit là

- A. có màu đỏ vàng, chua nghèo mùn. B. có màu đen, xốp thoát nước.
C. có màu đỏ vàng, đất rất màu mỡ. D. có màu nâu, khó thoát nước.

Câu 29: Gió mùa hoạt động ở nước ta gồm

A. gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.
cầu Bắc.

B. gió mùa mùa đông và tín phong bán

C. gió mùa mùa hạ và tín phong bán cầu Bắc.
Nam.

D. gió mùa mùa hạ và tín phong bán cầu

Câu 30: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với sông ngòi nước ta?

A. Mạng lưới dày đặc.

B. Nhiều nước quanh năm.

D. Thủy chế theo mùa.

C. Có trữ lượng phù sa lớn.

Câu 31: Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về đặc điểm gió mùa ở nước ta?

A. Gió mùa mùa hạ có hướng chính là đông nam.

B. Gió mùa mùa hạ có nguồn gốc từ cao áp Xibia.

C. Gió mùa mùa đông thổi liên tục từ tháng 11 đến tháng 4.

D. Gió mùa mùa đông thổi từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4.

Câu 32: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta biểu hiện ở đặc điểm nào sau đây?

A. Sông ngòi dày đặc, nhiều nước, ít phù sa, chế độ nước thất thường.

B. Sông ngòi dày đặc, nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước theo mùa.

C. Sông ngòi dày đặc, có nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước ổn định.

D. Sông ngòi dày đặc, chủ yếu hướng tây bắc - đông nam và vòng cung.

II. Thông hiểu

Câu 1: Địa hình Caxtơ (hang động, suối cạn, thung khô) được hình thành chủ yếu trên loại đá nào sau đây?

A. Granit.

B. Vôi.

C. Badan.

D. Sét.

Câu 2: Gió tín phong nửa cầu Bắc chiếm ưu thế từ khu vực dãy Bạch Mã trở vào Nam có hướng

A. Tây Bắc.

B. Tây Nam.

C. Đông Nam.

D. Đông Bắc.

Câu 3: Vào giữa và cuối mùa hạ, do ảnh hưởng của áp thấp Bắc Bộ nên gió mùa Tây Nam khi vào Bắc Bộ nước ta di chuyển theo hướng

A. đông bắc.

B. đông nam.

C. tây nam.

D. tây bắc.

Câu 4: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta ảnh hưởng trực tiếp và rõ rệt nhất đến hoạt động sản xuất nào sau đây?

A. Công nghiệp.

B. Nông nghiệp.

C. Du lịch.

D. Giao

thông vận tải.

Câu 5: Thành phần loài nào sau đây **không** thuộc cây nhiệt đới?

A. Dầu.

B. Đỗ Quyên.

C. Dâu tằm.

D. Đậu.

Câu 6: Càng vào phía Nam gió mùa Đông Bắc càng

A. suy yếu.

B. mạnh.

C. khô nóng.

D. gây mưa

nhiều.

Câu 7: Mưa phùn vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ thường diễn ra vào

A. nửa đầu mùa đông.

B. nửa sau mùa đông.

C. nửa sau mùa xuân.

D. nửa đầu

mùa hạ.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm sông ngòi nước ta?

A. Nhiều sông.

B. Phần lớn là sông nhỏ.

C. Giàu phù sa.

D. Ít phụ lưu.

Câu 9: Quá trình feralit hóa là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu

A. cận nhiệt lục địa. B. nhiệt đới ẩm. C. ôn đới hải dương. D. cận cực lục địa.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm sông ngòi nước ta?

A. Dày đặc. B. Ít nước. C. Giàu phù sa. D. Thủy chế theo mùa.

Câu 11: Mùa mưa vào thu - đông là đặc điểm của khu vực nào sau đây của nước ta ?

A. Đông Bắc. B. Đồng bằng Bắc Bộ. C. Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 12: Thời kì chuyển tiếp hoạt động giữa gió mùa Đông Bắc và Tây Nam là thời kì hoạt động mạnh của

A. gió mùa mùa đông. B. gió mùa mùa hạ. C. gió Mậu dịch. D. gió địa phương.

Câu 13: Mùa đông ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm là

A. đến muộn và kết thúc muộn. B. đến muộn và kết thúc sớm.
C. đến sớm và kết thúc muộn. D. đến sớm và kết thúc sớm.

Câu 14: Gió Tín Phong hoạt động mạnh nhất vào thời kì nào sau đây?

A. Mùa hạ và mùa thu. B. Mùa đông và mùa xuân.
C. Mùa xuân và mùa thu. D. Mùa hạ và mùa xuân.

Câu 15: Loại gió nào sau đây gây mưa trên phạm vi cả nước vào mùa hạ?

A. Gió Đông Nam đã biến tính. B. Gió Tín phong bán cầu Bắc.
C. Gió Tây Nam từ vịnh Bengan. D. Gió Tín phong bán cầu Nam.

Câu 16: Khu vực nào sau đây chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió phơn Tây nam?

A. Tây nguyên. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Tây Bắc. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 17: Kiểu thời tiết lạnh ẩm xuất hiện vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc nước ta là do

A. gió mùa đông đi qua lục địa phương Bắc. B. khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương.
C. khối khí lạnh di chuyển lệch đông qua biển. D. ảnh hưởng của gió mùa mùa hạ đến sớm.

Câu 18: Loại gió thịnh hành từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau ở phần lãnh thổ phía Nam nước ta là

A. gió mùa Đông Bắc. B. Tín phong bán cầu Bắc.
C. gió mùa Tây Nam. D. Tín phong bán cầu Nam.

Câu 19: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện ở

A. cân bằng bức xạ luôn dương quanh năm. B. lượng nhiệt Mặt Trời nhận được rất lớn.
C. Mặt Trời luôn cao trên đường chân trời. D. Mặt Trời lên thiên đỉnh hai lần trong năm.

Câu 20: Gió Tây Nam hoạt động trong thời kì đầu mùa hạ ở nước ta có nguồn gốc từ

A. khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương. B. khối khí chí tuyến Bán cầu Nam.
C. khối khí nhiệt đới Nam Thái Bình Dương. D. khối khí chí tuyến Bán cầu Bắc.

Câu 21: Nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tính bất bình của nông nghiệp nước ta là

A. khí hậu phân hóa theo Bắc - Nam và theo độ cao. B. địa hình, đất trồng, sông ngòi có sự phân hóa rõ.

C. thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. D. đất trồng có nhiều loại và sinh vật rất phong phú.

Câu 22: Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ nước ta?

A. Gió mùa Đông Bắc.

B. Tín phong bán cầu Bắc.

C. Gió phơn Tây Nam.

D. Gió mùa Tây Nam.

Câu 23: Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có

A. tổng bức xạ trong năm lớn.

B. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.

C. nền nhiệt độ cả nước cao.

D. khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt.

Câu 24: Loại gió nào sau đây gây mưa lớn cho Nam Bộ nước ta vào giữa và cuối mùa hạ?

A. Gió mùa Tây Nam.

B. Tín phong bán cầu Bắc.

C. Gió phơn Tây Nam.

D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 25: Sự phân mùa của khí hậu nước ta do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Bức xạ từ Mặt Trời tới.

B. Hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.

C. Hoạt động của gió mùa.

D. Sự phân bố lượng mưa theo mùa.

Câu 26: Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc do

A. địa hình nhiều đồi núi, lượng mưa lớn.
rộng.

B. lượng mưa lớn, có các đồng bằng

C. có các đồng bằng rộng, đồi núi dốc lớn.
hủy.

D. đồi núi dốc, lớp phủ thực vật bị phá

Câu 27: Nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên và Nam Bộ là

A. gió Tây khô nóng.

B. gió mùa Tây Nam.

C. gió Tín phong bán cầu Bắc.

D. áp thấp nhiệt đới.

Câu 28: Quá trình feralit hóa là quá trình hình thành đất chủ yếu ở nước ta do nguyên nhân nào sau đây ?

A. Địa hình chủ yếu là đồng bằng.
núi thấp.

B. Có khí hậu nhiệt đới ẩm, nhiều đồi

C. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.
rệt.

D. Trong năm có hai mùa mưa và khô rõ

Câu 29: Hệ quả của quá trình xâm thực mạnh ở miền đồi núi đối với sông ngòi nước ta là

A. tạo dòng chảy mạnh.

B. có nhiều phụ lưu lớn.

C. tổng lượng cát bùn lớn.

D. tốc độ bào mòn rất nhỏ.

Câu 30: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc tính của đất feralit ở nước ta?

A. Lớp phong hóa dày.

B. Đất thông khí thoát nước.

C. Giàu các chất bazơ.

D. Nhiều ôxit sắt, ôxit nhôm.

Câu 31: Nơi chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc là

A. Đông Bắc và đồng bằng Bắc Bộ.

B. Tây Bắc và đồng bằng Bắc Bộ.

C. Đông Bắc và Bắc Trung Bộ.

D. Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Câu 32: Giữa Tây Nguyên và ven biển Trung Bộ nước ta có đặc điểm gì nổi bật ?

A. Giống nhau về mùa mưa.
khô.

B. Đối lập nhau về mùa mưa và mùa

C. Giống nhau về mùa khô.
lạnh.

D. Đối lập nhau về mùa nóng và mùa

Câu 33: Chế độ sông ngòi ở nước ta phân hóa theo mùa là do

A. địa hình có độ dốc lớn, nước mưa nhiều.
mùa.

C. địa hình chủ yếu là đồi núi, mưa nhiều.
khô.

B. đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió

D. khí hậu phân hóa mùa mưa và mùa

Câu 34: Thời tiết nóng và khô ở ven biển Trung bộ và phần nam của khu vực Tây Bắc nước ta do loại gió nào sau đây gây ra?

A. Gió mùa Đông Bắc.

C. Gió Tây Nam đầu mùa.

B. Tín phong bán cầu Nam.

D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 35: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với gió mùa Đông Bắc ở nước ta?

A. Hầu như kết thúc ở dãy Bạch Mã.

C. Tạo nên mùa đông lạnh ở miền Bắc.

B. Chỉ hoạt động ở miền Bắc.

D. Thổi liên tục suốt mùa đông.

Câu 36: Gió đầu mùa hạ hoạt động gây mưa lớn cho vùng

A. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Tây nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. Nam Bộ và Bắc Trung Bộ.

D. Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 37: Hậu quả của quá trình xâm thực mạnh gây ra ở miền núi là

A. tạo thành nhiều phụ lưu.

C. địa hình cắt xẻ, rửa trôi.

B. tạo nên các cao nguyên lớn.

D. tạo thành dạng địa hình mới.

Câu 38: Nguyên nhân gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kì đầu mùa hạ là do ảnh hưởng của khối khí

A. cận chí tuyến bán cầu Bắc.

C. cận chí tuyến bán cầu Nam.

B. Bắc Ấn Độ Dương.

D. lạnh phương Bắc.

Câu 39: Biên độ nhiệt năm ở phía Bắc cao hơn ở phía Nam, chủ yếu vì phía Bắc

A. có một mùa đông lạnh.

C. nằm gần chí tuyến hơn.

B. có gió phơn Tây Nam.

D. có địa hình cao hơn.

Câu 40: Nhiễu động về thời tiết ở nước ta thường xảy ra nhất vào thời gian nào sau đây?

A. đầu mùa đông và đầu mùa thu.

C. thời gian chuyển tiếp các mùa.

B. giữa mùa đông và giữa mùa hạ.

D. đầu mùa đông và giữa mùa hạ.

Câu 41: Xâm thực mạnh ở miền núi **không** gây hậu quả trực tiếp nào sau đây?

A. Bề mặt địa hình bị cắt xẻ.

C. Các đồng bằng mở rộng.

B. Đất trượt, đá lở.

D. Địa hình cacxtơ.

Câu 42: Khí hậu phân mùa ảnh hưởng như thế nào tới sản xuất nông nghiệp nước ta ?

A. Thuận lợi cho việc đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi.

B. Thuận lợi cho việc phòng chống sâu hại, dịch bệnh.

C. Khó khăn cho việc đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp.

D. Khó khăn cho việc phòng chống sâu hại, dịch bệnh.

Câu 43: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có sự phân hóa đa dạng đã tạo điều kiện cho nước ta

A. phát triển mạnh nền nông nghiệp ôn đới.

B. hình thành các vùng kinh tế trọng điểm.

C. đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp.

D. đa dạng hóa cơ cấu mùa vụ và cơ cấu sản phẩm nông nghiệp.

Câu 44: Sông ngòi nước ta có đặc điểm nào sau đây?

A. Phần lớn sông đều dài dốc và dễ bị lũ lụt.

B. Có lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao.

C. Lượng nước phân bố đồng đều ở các hệ thống sông.

D. Phần lớn sông chảy theo hướng đông nam - tây bắc.

Câu 45: Gió mùa Đông Bắc làm cho thời tiết của miền Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?

A. Nửa đầu mùa đông mát mẻ, nửa sau mùa đông lạnh.

B. Mùa đông lạnh mưa nhiều, mùa hạ nóng và ít mưa.

C. Nửa đầu mùa đông lạnh khô, nửa sau mùa đông lạnh ẩm.

D. Nửa đầu mùa đông nóng khô, nửa sau mùa đông lạnh ẩm.

III. Vận dụng

Câu 1: Sông nào sau đây có mùa lũ vào thu - đông?

A. Sông Hồng.

B. Sông Đà

C. Sông Đà Rằng.

D. Sông Cửu

Long.

Câu 2: Vùng núi Tây Bắc có nền nhiệt độ thấp chủ yếu là do

A. gió mùa Đông Bắc.

B. độ cao của địa hình.

C. gió mùa đông nam.

D. hướng các

dãy núi.

Câu 3: Sông nào sau đây của nước ta có hàm lượng phù sa nhiều nhất?

A. sông Mê Công.

B. Sông Đồng Nai.

C. Sông Thái Bình.

D. Sông

Hồng.

Câu 4: Quá trình phong hóa hóa học tham gia vào việc làm biến đổi bề mặt địa hình hiện tại của nước ta được biểu hiện ở

A. hiện tượng bào mòn, rửa trôi.

B. thành tạo địa hình cacxtơ.

C. đất trượt, đá lở ở sườn dốc.

D. hiện tượng xâm thực mạnh.

Câu 5: Những địa điểm nào sau đây của nước ta có biên độ nhiệt độ trung bình năm dưới 9⁰C?

A. Hải Phòng, Vinh, Cần Thơ.

B. Cần Thơ, Nha Trang, Biên Hòa.

C. Huế, Đà Nẵng, Nha Trang.

D. Hà Nội, Hải Phòng, Nha Trang.

Câu 6: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sông ngòi nước ta có hàm lượng phù sa lớn?

A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.

B. Chế độ nước thay đổi theo mùa.

C. Tổng lượng dòng chảy lớn.

D. Xâm thực mạnh ở miền núi.

Câu 7: Loại gió nào sau đây vừa gây mưa cho vùng ven biển Trung bộ, vừa là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên?

A. Gió mùa Đông Bắc.

B. Tín phong bán cầu Nam.

D. Gió mùa Tây Nam.

C. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 8: Mùa khô kéo dài ở Đồng bằng sông Cửu Long **không** trực tiếp gây ra hậu quả nào sau đây?

A. Xâm nhập mặn sâu vào trong đất liền.

B. Thiếu nước ngọt cho sản xuất và sinh

hoạt.

C. Làm tăng độ chua và chua mặn trong đất.

D. Sâu bệnh phát triển phá hoại mùa

màng.

Câu 9: Nguyên nhân chủ yếu khiến nước ta có lượng mưa lớn là do

A. nhiệt độ cao nên lượng bốc hơi lớn.

B. địa hình có nhiều nơi đón gió từ biển.

C. các khối khí đi qua biển mang theo ẩm lớn.

D. vị trí địa lí nằm trong khu vực nội chí

tuyến.

Câu 10: Nhân tố chủ yếu nào sau đây làm cho gió mùa đông bắc xâm nhập sâu vào nước ta?

A. Phía bắc giáp Trung Quốc.
- đông nam.

C. Nước ta có nhiều đồi núi.
vùng Đông Bắc.

B. Các dãy núi chủ yếu có hướng tây bắc

D. Hướng vòng cung của các dãy núi ở

Câu 11: Hai khu vực núi có dạng địa hình cacxtơ phổ biến nhất nước ta là

A. Đông Bắc và Trường Sơn Nam.

C. Đông Bắc và Trường Sơn Bắc.

B. Trường Sơn Bắc và Trường Sơn

D. Tây Bắc và Tây Nguyên.

Câu 12: Phần lớn sông ngòi nước ta có đặc điểm ngắn và dốc chủ yếu do nhân tố nào sau đây quy định?

A. Địa hình, sinh vật và thổ nhưỡng.

C. Hình dáng lãnh thổ và khí hậu.

B. Khí hậu và sự phân bố địa hình.

D. Hình dáng lãnh thổ và địa hình.

Câu 13: Đặc điểm nào sau đây của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ít gây khó khăn, trở ngại cho công nghiệp, khai thác?

A. Tính chất thất thường.

C. Số giờ nắng năm cao.

B. Sự phân mùa của khí hậu.

D. Nhiều thiên tai bão, lũ lụt.

Câu 14: Mùa mưa ở miền Trung đến muộn hơn so với cả nước chủ yếu là do tác động của

A. frông lạnh vào thu đông.
mùa hạ.

C. các dãy núi lan ra bờ biển.

B. gió phơn tây nam khô nóng vào đầu

D. bão đến tương đối muộn hơn so với

cả nước.

Câu 15: Những kiểu thời tiết đặc biệt nào sau đây thường xuất hiện vào mùa đông ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta?

A. Sương mù và mưa phùn.

C. Mưa đá, dông, lốc xoáy.

B. Mưa tuyết và mưa rào.

D. Hạn hán và lốc xoáy.

Câu 16: Sự phân hoá lượng mưa ở một vùng chủ yếu chịu ảnh hưởng của

A. địa hình và hướng gió.

C. vĩ độ địa lí và độ cao.

B. hướng gió và mùa gió.

D. khí hậu và độ cao.

Câu 17: Hiện tượng “nồm” của thời tiết miền Bắc vào cuối mùa đông - đầu mùa xuân chủ yếu do gió nào gây nên?

A. Gió mùa Đông Bắc.

C. Tín phong bán cầu Bắc.

B. Gió phơn.

D. Gió mùa Tây Nam.

Câu 18: Ý nào sau đây **không** phải là kết quả tác động của khối khí nhiệt đới ẩm từ bắc Ấn Độ Dương đến nước ta?

A. Hiện tượng thời tiết khô nóng ở phía nam của Tây Bắc.

B. Gây mưa lớn cho đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.

C. Làm cho mưa ở Duyên hải Nam Trung Bộ đến sớm hơn.

D. Gây hiện tượng phơn cho đồng bằng ven biển Trung Bộ.

Câu 19: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn?

A. Diện tích rừng tăng lên và lượng mưa rất lớn.

B. Nhiều nơi lớp phủ thực vật ít, lượng mưa lớn.

C. Lượng mưa lớn và địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.

D. Lượng mưa lớn và nguồn nước bên ngoài lãnh thổ.

Câu 20: Đặc điểm địa hình có ý nghĩa lớn trong việc bảo toàn tính nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta là

- A. đồi núi chiếm phần lớn diện tích và chủ yếu là núi cao.
- B. đồng bằng chiếm 1/4 diện tích nằm chủ yếu ở ven biển.
- C. đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.
- D. các dãy núi chạy theo hướng tây bắc - đông nam và vòng cung.

BÀI 11; 12. THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG

I. Nhận biết

Câu 1: Khu vực có mưa nhiều nhất vào thời kì đầu mùa hạ ở nước ta là

- A. Bắc Trung Bộ và Tây Bắc.
- B. Đồng bằng sông Hồng và Tây Bắc.
- C. Tây Nguyên và đồng bằng Nam Bộ.
- D. Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

Câu 2: Khu vực chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió phơn Tây Nam là

- A. Tây Bắc.
- B. Đông Bắc.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 3: Sự phân chia mùa khí hậu thành mùa mưa và mùa khô ở phần lãnh thổ phía Nam đặc biệt rõ nét từ vĩ độ

- A. 16°B trở vào.
- B. 16°B trở ra.
- C. 14°B trở vào.
- D. 14°B - 16°B.

Câu 4: Hệ sinh thái đặc trưng của khu vực cực Nam Trung Bộ nước ta là

- A. xa van cây bụi.
- B. rừng thưa nhiệt đới khô.
- C. rừng nhiệt đới.
- D. rừng thường xanh trên đá vôi.

Câu 5: Khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Nóng, ẩm quanh năm.
- B. Tính chất cận xích đạo.
- C. Tính chất ôn hòa.
- D. Khô hạn quanh năm.

Câu 6: Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là

- A. cây lá kim và thú có lông dày.
- B. cây chịu hạn, rụng lá theo mùa.
- C. động thực vật cận nhiệt đới.
- D. động thực vật nhiệt đới.

Câu 7: Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Cảnh quan cận xích đạo gió mùa.
- B. Cảnh quan nhiệt đới nóng quanh năm.
- C. Mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa.
- D. Cảnh quan giống như vùng ôn đới núi cao.

Câu 8: Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. mùa mưa lùi dần về mùa thu - đông.
- B. gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh.
- C. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
- D. phân chia hai mùa mưa, khô sâu sắc.

Câu 9: Sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao ở nước ta biểu hiện rõ qua các thành phần

- A. khí hậu, đất đai, sinh vật.
- B. sông ngòi, đất đai, khí hậu.
- C. sinh vật, đất đai, sông ngòi.
- D. khí hậu, sinh vật, sông ngòi.

Câu 10: Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa phát triển trên các loại thổ nhưỡng đặc biệt ở nước ta **không** phải là loại rừng

- A. thường xanh trên đá vôi ở phía Bắc.
- B. cây bụi gai nhiệt đới khô trên đá vôi.
- C. ngập mặn trên đất mặn ven biển.
- D. tràm trên đất phèn ở Nam Bộ.

Câu 11: Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta có đặc điểm là

A. các tháng đều có nhiệt độ trên 28°C.
25°C.

B. không có tháng nào nhiệt độ dưới

C. không có tháng nào nhiệt độ trên 25°C.

D. chỉ có 2 tháng nhiệt độ trên 25°C.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây **không** phải là đặc điểm của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta?

A. Trong năm có một mùa đông lạnh.

B. Thời tiết thường diễn biến phức tạp.

C. Có một mùa khô sâu sắc kéo dài.

D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

Câu 13: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao của nước ta?

A. Nhóm đất feralit chiếm phần lớn diện tích đai nhiệt đới gió mùa.

B. Ranh giới đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi miền Bắc thấp hơn miền Nam.

C. Các loài chim di cư thuộc khu hệ Himalaya chỉ có ở độ cao trên 2600m.

D. Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Câu 14: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

B. Nhiệt độ trung bình năm trên 25°C.

C. Phân hóa hai mùa mưa và khô rõ rệt.

D. Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo.

Câu 15: Nhận xét nào sau đây **không** đúng với sự thay đổi nhiệt độ theo Bắc - Nam ở nước ta?

A. Biên độ nhiệt độ năm càng vào Nam càng giảm.

B. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc - Nam.

C. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc - Nam.

D. Nhiệt độ mùa hạ ít có sự khác nhau giữa hai miền.

Câu 16: Đặc điểm nổi bật của thiên nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ nước ta là

A. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.

B. đồi núi thấp chiếm ưu thế với các dãy núi có hướng vòng cung.

C. địa hình cao, các dãy núi xen thung lũng sông có hướng tây bắc - đông nam.

D. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

Câu 17: Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta là

A. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.

B. địa hình có các sơn nguyên bóc mòn và các cao nguyên badan.

C. địa hình cao, các dãy núi xen kẽ thung lũng sông hướng tây bắc - đông nam.

D. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

Câu 18: Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nước ta là

A. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.

B. đồi núi thấp chiếm ưu thế với các dãy núi có hướng vòng cung.

C. địa hình cao, các dãy núi xen thung lũng sông có hướng tây bắc - đông nam.

D. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

Câu 19: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho vùng lãnh thổ phía Bắc là đới rừng

A. nhiệt đới gió mùa.

B. xa van và cây bụi.

C. cận nhiệt đới.

D. ôn đới gió mùa.

Câu 20: Ở vùng lãnh thổ phía Bắc, thành phần loài chiếm ưu thế là

A. xích đạo.

B. nhiệt đới.

C. cận nhiệt.

D. ôn đới.

Câu 21: Biểu hiện của cảnh quan thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc là

A. mùa đông lạnh, tất cả cây rụng lá.

B. mùa đông lạnh, không mưa, nhiều loài cây rụng lá.

C. mùa đông lạnh ẩm mưa nhiều, nhiều loài cây rụng lá.

D. Mùa đông lạnh, mưa ít, nhiều loài cây rụng lá.

Câu 22: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho vùng lãnh thổ phía Nam là

A. rừng nhiệt đới ẩm gió mùa.

B. rừng cận xích đạo gió mùa.

C. rừng cận nhiệt đới khô.

D. rừng xích đạo gió mùa.

Câu 23: Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Nam là

A. xích đạo và nhiệt đới.

B. nhiệt đới và cận nhiệt đới.

C. cận nhiệt đới và xích đạo.

D. cận xích đạo và ôn đới.

Câu 24: Cảnh quan rừng thưa nhiệt đới khô được hình thành nhiều nhất ở vùng nào?

A. Ven biển Bắc Trung Bộ.

B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Nam Bộ.

Câu 25: Thiên nhiên vùng núi nào sau đây mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa?

A. Vùng núi cao Tây Bắc.

B. Vùng núi Trường Sơn.

C. Vùng núi thấp Tây Bắc.

D. Vùng núi Đông Bắc.

Câu 26: Đại nhiệt đới gió mùa phân bố ở độ cao trung bình

A. ở miền Bắc dưới 600 - 700 m; miền Nam dưới 900 - 1000 m.

B. ở miền Bắc và miền Nam dưới 600 - 700m đến 900 - 1000 m.

C. ở miền Bắc dưới 900 - 1000 m, miền Nam dưới 600 - 700m.

D. ở miền Bắc trên 600 - 700 m; miền Nam trên 900 - 1000 m.

Câu 27: Trong đại nhiệt đới gió mùa, sinh vật chiếm ưu thế là các hệ sinh thái

A. ôn đới.

B. cận nhiệt đới.

C. xa van.

D. nhiệt đới.

Câu 28: Các nhóm đất chủ yếu của đại cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

A. đất phù sa và feralit.

B. đất feralit và feralit có mùn.

C. feralit có mùn và đất mùn.

D. đất mùn và đất mùn thô.

Câu 29: Đặc điểm khí hậu nào sau đây thuộc đại ôn đới gió mùa trên núi?

A. Nhiệt độ tháng lạnh nhất trên 10°C.

B. Nhiệt độ tháng nóng nhất trên 35°C.

C. Nhiệt độ trung bình năm dưới 5°C.

D. Nhiệt độ trung bình năm dưới 15°C.

Câu 30: Hệ sinh thái đặc trưng của đại cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

A. Rừng lá kim trên đất feralit có mùn.

B. Rừng gió mùa lá rộng thường xanh.

C. Rừng lá kim trên đất feralit.

D. Rừng cận nhiệt đới lá rộng.

Câu 31: Đại ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở

A. Trường Sơn Nam.

B. Trường Sơn Bắc.

C. Hoàng Liên Sơn.

D. Dãy Bạch Mã.

Câu 32: Đặc điểm nổi bật của địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

A. chủ yếu là đồi núi cao; đồng bằng mở rộng.

B. gồm 4 cánh cung lớn; đồng bằng mở rộng.

C. chủ yếu là đồi núi thấp; đồng bằng mở rộng.

D. chủ yếu là núi cao, địa hình ven biển đa dạng.

Câu 33: Sông ngòi miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm là

A. dày đặc, chảy theo hướng vòng cung và tây bắc - đông nam.

B. dày đặc, sông ngòi đều chảy theo hướng vòng cung.

C. dày đặc, đều chảy theo hướng tây bắc - đông nam.

D. dày đặc, chảy theo hướng tây bắc - đông nam và tây - đông.

Câu 34: Hệ sinh thái đặc trưng của đại cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

A. rừng nhiệt đới lá rộng và lá kim.

B. rừng thưa nhiệt đới và lá kim.

C. rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim.

D. rừng cận nhiệt đới khô và lá kim.

Câu 35: Phạm vi đới cảnh quan rừng nhiệt đới gió mùa, biểu hiện rõ rệt nhất là

A. từ dãy Bạch Mã trở ra.

B. từ dãy Hoàng Sơn trở ra.

C. từ dãy Hoàng Sơn trở vào.

D. từ dãy Bạch Mã trở vào.

Câu 36: Nhóm đất có diện tích lớn nhất trong đai nhiệt đới gió mùa là

A. đất phù sa.

B. đất feralit có mùn.

C. đất feralit.

D. đất xám

phù sa cổ.

Câu 37: Dọc tả ngạn sông Hồng và rìa phía tây, tây nam đồng bằng Bắc Bộ là giới hạn của miền địa lý tự nhiên nào sau đây?

A. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

B. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

C. Miền Nam Trung Bộ.

D. Nam Bộ.

Câu 38: Sự phân hóa thiên nhiên của vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo chiều

A. Bắc - Nam.

B. Đông - Tây.

C. Độ cao.

D. Tây -

Đông.

Câu 39: Đặc trưng khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc là

A. Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

B. Cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông

lạnh.

C. Cận xích đạo gió mùa nóng quanh năm.

D. Nhiệt đới khô gió mùa có mùa đông

lạnh.

Câu 40: Nhiệt độ trung bình năm ở phần lãnh thổ phía Bắc là

A. 20°C.

B. 22 °C.

C. trên 20°C.

D. 24 °C.

Câu 41: Tác động của gió mùa Đông Bắc mạnh nhất ở vùng

A. Tây Bắc.

B. Đông Bắc.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Tây

Nguyên.

Câu 42: Khu bảo tồn thiên nhiên Cần Giờ thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

A. Hải Phòng.

B. TP. Hồ Chí Minh.

C. Cần Thơ.

D. Cà Mau.

Câu 43: Theo độ cao, thiên nhiên nước ta phân hóa thành bao nhiêu đai?

A. 5.

B. 4.

C. 3.

D. 2.

Câu 44: Vùng thường xảy ra lũ quét là

A. Vùng núi phía Bắc.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Tây Nguyên.

Câu 45: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta?

A. Đất xám phát triển trên các thềm phù sa cổ.

B. Đất đen phát triển trên đá ba dan và

đá vôi.

C. Đất feralit có mùn và đất mùn alit núi cao.

D. Đất feralit đỏ vàng phát triển trên đá

mẹ axit.

Câu 46: Cảnh quan trong đai nhiệt đới gió mùa gồm

A. rừng cận xích đạo và nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

B. rừng rậm xích đạo và rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.

C. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh và rừng nhiệt đới gió mùa.

D. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh và cận nhiệt đới lá rộng.

Câu 47: Đất ở đai ôn đới gió mùa trên núi chủ yếu là

- A. feralit đỏ vàng. B. feralit có mùn. C. đất mùn. D. đất mùn thô.
- Câu 48:** Loại đất chiếm diện tích lớn nhất trong đai nhiệt đới gió mùa là
 A. đất feralit đỏ vàng. B. đất phù sa. C. đất phù sa cổ. D. đất feralit có mùn.
- Câu 49:** Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam nước ta mang sắc thái của vùng khí hậu
 A. ôn đới gió mùa. B. cận nhiệt đới gió mùa.
 C. cận xích đạo gió mùa. D. nhiệt đới gió mùa.
- Câu 50:** Loài nào sau đây **không** phải thực vật ôn đới?
 A. Đỗ quyên. B. Lãnh sam. C. Thiết sam. D. Dâu tằm.

II. Thông hiểu

- Câu 1:** Miền Bắc ở độ cao trên 600 - 700 m, miền Nam phải trên độ cao 900 - 1000 m mới có khí hậu cận nhiệt đới chủ yếu vì
 A. nhiệt độ trung bình miền Nam cao hơn. B. địa hình miền Bắc cao hơn.
 C. miền Bắc giáp biển nhiều hơn miền Nam. D. miền Bắc mưa nhiều hơn.
- Câu 2:** Đai cao cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc hạ thấp hơn so với miền Nam chủ yếu vì
 A. có nền nhiệt độ thấp hơn. B. có nền nhiệt độ cao hơn.
 C. có nền địa hình thấp hơn. D. có nền địa hình cao hơn.
- Câu 3:** Mùa khô ở các tỉnh ven biển cực Nam Trung Bộ kéo dài nhất cả nước chủ yếu là do
 A. hoạt động của gió phơn khô nóng. B. ảnh hưởng của Tín phong đông bắc.
 C. địa hình bờ biển không đón gió mùa. D. địa hình núi dốc đứng về phía biển.
- Câu 4:** Kiểu thời tiết điển hình của Nam Bộ nước ta trong thời gian từ tháng XI đến tháng IV năm sau là
 A. nắng, nóng, trời nhiều mây. B. nắng, ít mây và mưa nhiều.
 C. nắng, ổn định, tạnh ráo. D. nắng nóng và mưa nhiều.
- Câu 5:** Mùa khô ở Bắc Bộ **không** sâu sắc như ở Nam Bộ nước ta chủ yếu do
 A. mạng lưới sông ngòi dày đặc hơn. B. sự điều tiết của các hồ chứa nước.
 C. nguồn nước ngầm phong phú hơn. D. ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
- Câu 6:** Sự phân hóa thiên nhiên giữa hai khu vực Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do
 A. tác động của gió mùa và hướng các dãy núi. B. độ cao địa hình và ảnh hưởng của biển.
 C. ảnh hưởng của biển và lớp phủ thực vật. D. độ cao địa hình và hướng các dãy núi.
- Câu 7:** Cảnh sắc thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc thay đổi theo mùa do
 A. sự phân mùa nóng, lạnh. B. sự phân hóa theo độ cao.
 C. sự phân hóa lượng mưa theo mùa. D. sự phân hóa theo chiều đông - tây.
- Câu 8:** Lượng nước thiếu hụt vào mùa khô ở miền Bắc **không** nhiều như ở miền Nam chủ yếu do
 A. nguồn nước ngầm phong phú. B. mạng lưới sông ngòi dày đặc.
 C. sự điều tiết hợp lý của các hồ chứa nước. D. có hiện tượng mưa phùn cuối mùa đông.
- Câu 9:** Ở nước ta, thiên nhiên vùng núi Tây Bắc khác với Đông Bắc ở đặc điểm nào sau đây?

- A. Mùa đông đến sớm hơn ở vùng núi thấp. B. Mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn.
C. Mùa mưa đến sớm và kết thúc muộn hơn. D. Khí hậu lạnh chủ yếu do gió mùa Đông Bắc.

Câu 10: Dạng thời tiết nắng nóng, kèm theo mưa đông xuất hiện vào cuối mùa khô ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là do ảnh hưởng của

- A. Tín phong bán cầu Bắc. B. Tín phong bán cầu Nam.
C. gió mùa mùa hạ đến sớm. D. áp thấp nóng phía tây lấn sang.

Câu 11: Điểm khác biệt về khí hậu của Nam Bộ so với Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. mùa mưa ngắn hơn. B. mùa mưa sớm hơn. C. khí hậu cận xích đạo. D. nóng quanh năm.

Câu 12: Tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc Bộ đến Trung Bộ chủ yếu do

- A. sự lùi dần vị trí trung bình của dải hội tụ nội chí tuyến.
B. Càng vào Nam càng xa chí tuyến bán cầu Bắc.
C. sự lùi dần mùa mưa nói chung từ Bắc Bộ đến Trung bộ.
D. gió Tây Nam nguồn gốc Nam bán cầu suy yếu.

Câu 13: Điểm khác biệt về khí hậu giữa Duyên hải Nam Trung Bộ với Nam Bộ là

- A. khí hậu cận Xích đạo. B. mùa mưa sớm hơn. C. mùa mưa muộn hơn. D. nóng quanh năm.

Câu 14: Vùng phía Nam nước ta **không** có đai ôn đới gió mùa trên núi vì

- A. nằm kề vùng biển rộng. B. không có độ cao trên 2600 m.
C. không có gió mùa Đông Bắc hoạt động. D. nằm gần xích đạo.

Câu 15: Mùa mưa ở Tây Nguyên thường diễn ra vào thời gian nào sau đây?

- A. Quanh năm. B. Mùa xuân. C. Mùa hạ. D. Thu đông.

Câu 16: Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông Tây giữa hai khu vực Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do

- A. độ cao địa hình và hướng các dãy núi. B. độ cao địa hình và ảnh hưởng của biển.
C. ảnh hưởng của biển và lớp phủ thực vật. D. tác động của gió mùa và hướng các dãy núi.

Câu 17: Tây Nguyên có sự đối lập với đồng bằng ven biển miền Trung về

- A. mùa mưa, mùa khô. B. hướng gió. C. mùa nóng, mùa lạnh. D. mùa bão.

Câu 18: Điểm giống nhau về khí hậu của Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là

- A. phân chia hai mùa mưa khô rõ rệt. B. mùa mưa lùi dần về thu đông.
C. biên độ nhiệt trung bình năm lớn. D. mùa hạ có gió phơn Tây Nam.

Câu 19: Yếu tố nào sau đây thể hiện rõ nhất mối liên hệ giữa thiên nhiên của Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Địa hình. B. Khí hậu. C. Sông ngòi. D. Thực vật.

Câu 20: Giữa Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ có sự đối lập về mùa mưa và mùa khô là do ảnh hưởng của

- A. dãy núi Hoàng Sơn kết hợp với ảnh hưởng của gió mùa.
B. dãy núi Trường Sơn kết hợp với ảnh hưởng của gió mùa.
C. dãy núi Bạch Mã kết hợp với ảnh hưởng của gió mùa.
D. dãy núi Hoàng Liên Sơn kết hợp với ảnh hưởng của biển.

Câu 21: Đai cao cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Nam lên cao hơn so với miền Bắc chủ yếu vì

- A. có nền nhiệt độ thấp hơn.
- B. có nền nhiệt độ cao hơn.
- C. có nền địa hình thấp hơn.
- D. có nền địa hình cao hơn.

Câu 22: Đặc điểm nào sau đây không đúng với khí hậu của phần phía Nam nước ta?

- A. Khí hậu nóng quanh năm.
- B. Không có tháng nào dưới 20°C.
- C. Có 2 mùa mưa và khô rõ rệt.
- D. Có mưa phùn vào mùa đông.

Câu 23: Đặc điểm nào sau đây không đúng với thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta?

- A. Vùng biển lớn gấp 3 lần diện tích phần đất liền.
- B. Thềm lục địa phía Bắc và phía Nam nông, rộng.
- C. Đường bờ biển vùng Nam Trung Bộ bằng phẳng.
- D. Thềm lục địa Trung Bộ thu hẹp, giáp vùng biển sâu.

Câu 24: Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc khác Tây Bắc ở đặc điểm nào sau đây?

- A. mùa đông bớt lạnh nhưng khô hơn.
- B. mùa hạ đến sớm, đôi khi có gió Tây.
- C. mùa đông lạnh đến sớm hơn ở vùng núi thấp.
- D. khí hậu lạnh chủ yếu do độ cao của địa hình.

Câu 25: Những động vật nào sau đây không tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Nam?

- A. Thú lớn (voi, hổ, báo...).
- B. Thú có lông dày (gấu, chồn...)
- C. Thú có móng vuốt.
- D. Trăn, rắn, cá sấu...

Câu 26: Sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm từ Bắc vào Nam nước ta như thế nào?

- A. Nhiệt độ trung bình tăng dần.
- B. Nhiệt độ trung bình giảm dần.
- C. Nhiệt độ trung bình tháng lạnh càng giảm.
- D. Nhiệt độ trung bình tháng nóng càng giảm.

Câu 27: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có các loài thực vật ôn đới chủ yếu là do

- A. ảnh hưởng mạnh gió mùa Đông Bắc.
- B. có nhiều núi và cao nguyên đồ sộ.
- C. có địa hình núi cao từ 2600m trở lên.
- D. có mạng lưới sông ngòi dày đặc.

Câu 28: Hệ sinh thái nào sau đây **không** thuộc đai nhiệt đới gió mùa chân núi?

- A. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- B. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
- C. rừng cận nhiệt đới trên đất feralit có mùn.
- D. rừng nhiệt đới thường xanh trên đá vôi.

Câu 29: Sự phân hoá khí hậu theo độ cao đã tạo khả năng cho vùng nào ở nước ta trồng được nhiều loại cây từ nhiệt đới, cận nhiệt đới và cả ôn đới?

- A. Tây Bắc.
- B. ĐB sông Hồng.
- C. Tây Nguyên.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 30: Biểu hiện nào sau đây **không** phải của cảnh quan thiên nhiên cận xích đạo gió mùa?

- A. Phần lớn là loài vùng xích đạo và nhiệt đới.
- B. Xuất hiện nhiều loài cây chịu hạn, cây họ dầu.
- C. Động vật tiêu biểu là các loài thú to lớn.
- D. Xuất hiện các loài thú có lông dày và lớn.

Câu 31: Đặc điểm nào sau đây **không** thuộc khí hậu phần lãnh thổ phía Nam?

- A. Nhiệt độ trung bình năm trên 25°C.
- B. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.
- C. Biên độ nhiệt trung bình năm lớn.
- D. Phân chia thành hai mùa mưa và khô

Câu 32: Phần lãnh thổ phía Bắc **không** phổ biến thành phần loài nào sau đây?

A. Nhiệt đới. B. Ôn đới. C. Xích đạo. D. Cận nhiệt đới.

Câu 33: Đặc điểm **không** phải của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

- A. khí hậu cận xích đạo. B. hai mùa mưa và khô.
C. sông Cửu Long có giá trị thủy điện lớn. D. Ít loại khoáng sản, nhiều dầu khí, bôxít.

Câu 34: Thiên nhiên nước ta có sự khác nhau giữa miền Bắc và Nam, không phải do sự khác nhau về

- A. Lượng bức xạ. B. Số giờ nắng. C. Lượng mưa D. Nhiệt độ trung bình.

Câu 35: Khí hậu và thiên nhiên giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc có sự khác nhau chủ yếu là do

- A. hướng núi và độ cao địa hình. B. hướng gió và độ cao địa hình.
C. độ cao địa hình và hướng nghiêng. D. hướng nghiêng và hướng gió.

Câu 36: Cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đồi núi thấp là kiểu cảnh quan chiếm ưu thế của nước ta vì

- A. đồi núi thấp chiếm chủ yếu diện tích lãnh thổ. B. Nước ta nằm trong khu vực gió mùa.
C. nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến. D. Nước ta nằm tiếp giáp với Biển Đông.

Câu 37: Nguyên nhân chủ yếu nào dẫn đến sự phân hóa thiên nhiên theo Đông - Tây ở vùng đồi núi nước ta?

- A. độ cao phân thành các bậc địa hình khác nhau.
B. tác động của gió mùa với hướng của các dãy núi.
C. độ dốc địa hình theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.
D. tác động của con người và sự biến đổi khí hậu.

Câu 38: Nhân tố nào sau đây là chủ yếu tạo ra sự phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ ở nước ta?

- A. Địa hình. B. Khí hậu. C. Đất đai. D. Sinh vật

Câu 39: Lợi thế nào sau đây là do sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao mang lại?

- A. Khoáng sản. B. Lâm sản. C. Cư trú. D. Du lịch.

Câu 40: Nhân tố chủ yếu nào sau đây tạo nên sự phân hoá thiên nhiên theo Bắc - Nam ở nước ta?

- A. Chênh lệch về vĩ độ địa lí. B. Hoạt động của gió mùa.
C. Sự phân bậc của địa hình. D. Tác động của Biển Đông.

Câu 41: Vùng nào sau đây có đầy đủ 3 đai cao?

- A. Đông Bắc. B. Tây Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 42: Nước ta có sự đa dạng về cơ cấu cây trồng, vật nuôi chủ yếu là do

- A. có nguồn nhiệt ẩm dồi dào. B. mạng lưới sông ngòi dày đặc.
C. có nhiều đồng bằng phì nhiêu. D. khí hậu phân hóa đa dạng.

III. Vận dụng

Câu 1: Vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ có đặc điểm

- A. thềm lục địa hẹp, giáp vùng biển sâu; thiên nhiên khắc nghiệt.
B. thềm lục địa nông, nhiều cồn cát, đầm phá; thiên nhiên khắc nghiệt.

C. thêm lục địa nông, nhiều cồn cát, đầm phá; thiên nhiên đa dạng.

D. thêm lục địa hẹp, nhiều cồn cát, đầm phá; đất đa dạng, màu mỡ.

Câu 2: Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc khác vùng núi Tây Bắc chủ yếu do ảnh hưởng của

A. gió mùa Đông Bắc với hướng của địa hình.

B. độ cao và hướng núi khác nhau giữa

hai vùng.

C. ảnh hưởng của gió mùa và biển khác nhau.

D. gió mùa Đông Bắc và vĩ độ địa lí

khác nhau.

Câu 3: Sinh vật của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đặc điểm là

A. không có các loài thực vật và động vật cận nhiệt đới.

B. thành phần loài đa dạng với 3 luồng di cư.

C. không có các loài thực vật và động vật nhiệt đới.

D. không phát triển hệ sinh thái rừng lá kim.

Câu 4: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự phân hóa lượng mưa theo không gian ở nước ta là do

A. sự phân hóa theo độ cao địa hình và sông ngòi.

B. tác động của hướng các dãy núi và

thực vật.

C. tác động mạnh mẽ của gió mùa và dòng biển.

D. tác động kết hợp của gió mùa và địa

hình.

Câu 5: Biểu hiện nào sau đây **không** thể hiện sự khác nhau về khí hậu giữa hai miền Nam, Bắc?

A. Lượng mưa.

B. Số giờ nắng.

C. Lượng bức xạ.

D. Nhiệt độ

trung bình.

Câu 6: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho nhiệt độ trung bình về mùa đông ở Tây Bắc cao hơn Đông Bắc?

A. Thực vật suy giảm.

B. Gió phơn Tây Nam.

C. Hướng các dãy núi.

D. Có vĩ độ

thấp hơn.

Câu 7: Khu vực nam Tây Bắc có mùa hạ đến sớm hơn vùng phía Đông Bắc chủ yếu do

A. Ít chịu tác động của gió mùa đông bắc.

B. Gió mùa Tây Nam đến sớm hơn.

C. Gió mùa đông bắc đến muộn hơn.

D. Chịu ảnh hưởng của biển nhiều hơn.

Câu 8: Điểm giống nhau về tự nhiên của vùng ven biển phía đông Trường Sơn Nam và vùng Tây Nguyên là

A. Mùa mưa vào thu - đông.

B. Mùa mưa vào hè - thu.

C. Có một mùa khô sâu sắc.

D. Có gió Tây khô nóng.

Câu 9: Biên độ nhiệt năm ở phía Bắc cao hơn ở phía Nam chủ yếu do

A. gần chí tuyến, có gió Tín phong.

B. có mùa đông lạnh, địa hình thấp.

C. có gió fơn Tây Nam, địa hình cao.

D. gần chí tuyến, có mùa đông lạnh.

Câu 10: So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc bộ, khí hậu miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có

A. mùa đông lạnh hơn.

B. mùa hạ muộn hơn.

C. tính chất nhiệt đới tăng dần.

D. tính chất nhiệt đới giảm dần.

Câu 11: Hiện tượng mưa phùn ở đồng bằng Bắc vào nửa sau mùa đông do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây ?

A. gió mùa Đông Bắc đi qua biển.

B. gió mùa Đông Nam thổi vào.

C. địa hình thấp.

D. nhiều sương mù.

Câu 12: Địa hình vùng núi Đông Bắc và vùng núi Tây Bắc khác nhau ở đặc điểm cơ bản nào sau đây?

A. Độ cao và hướng địa hình.

B. Độ cao.

C. Hướng địa hình.

D. Hướng nghiêng địa hình.

Câu 13: Đặc điểm khác biệt nhất của Đồng bằng Sông Cửu Long so với Đồng bằng Sông Hồng là

A. có đất nhiễm phèn.

B. có nhiều đất phù sa sông.

C. có đất nhiễm mặn.

D. khí hậu nóng quanh năm.

Câu 14: Dải đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có đặc điểm là

A. có các bãi triều thấp phẳng.

B. thềm lục địa hẹp, vùng biển sâu.

C. các cồn cát, đầm phá không phổ biến.

D. phong cảnh thiên nhiên trù phú, xanh tươi.

Câu 15: Khí hậu của miền Bắc nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

A. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C.

B. Có 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 18°C.

C. Có một mùa đông lạnh ít mưa.

D. Có mùa mưa và mùa khô sâu sắc.

Câu 16: Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc khác vùng núi Tây Bắc là

A. mùa đông bớt lạnh nhưng khô hơn.

B. mùa đông lạnh chủ yếu do độ cao.

C. mùa đông lạnh đến sớm hơn ở vùng núi thấp.

D. mùa hạ đến sớm, đôi khi có gió Tây, mưa giảm.

Câu 17: Ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, sự hạ thấp đai cao cận nhiệt đới chủ yếu do

A. đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

B. ảnh hưởng của gió mùa Đông Nam.

C. hoạt động mạnh của gió mùa Đông Bắc.

D. hướng vòng cung của các dãy núi.

Câu 18: Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của vùng Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

A. bão lụt với tần suất lớn, khô hạn xảy ra trên diện rộng.

B. thời tiết bất ổn định, dòng chảy sông ngòi thất thường.

C. sự thất thường của nhịp điệu mùa khí hậu và dòng chảy sông ngòi.

D. xói mòn, rửa trôi, ngập lụt trên diện rộng, thiếu nước vào mùa khô.

Câu 19: Gió mùa Tây Nam đến sớm hơn đã làm cho khu vực Nam Tây Bắc có

A. mùa hạ đến sớm hơn vùng núi Đông Bắc.

B. mùa hạ ngắn hơn ở vùng núi Đông Bắc.

C. mùa hạ đến muộn hơn vùng núi Đông Bắc.

D. mùa hạ kết thúc sớm hơn vùng Đông Bắc.

Câu 20: Điểm khác biệt về khí hậu giữa Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

A. mùa mưa chậm hơn.

B. mùa mưa sớm hơn.

C. có khí hậu cận Xích đạo.

D. có mùa mưa và mùa khô.

Câu 21: Loại cây thuộc vùng nhiệt đới là

A. Dẻ, re.

B. Samu, pơmu.

C. Dẻ, pơmu.

D. Dầu, vang.

C. PHẦN TRẮC NGHIỆM ÁT LÁT

ĐỀ CƯƠNG.

ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM THEO TRANG

Họ và tên:: Lớp /.....

ATLAT TRANG 4 – 5.

Câu 1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Bắc của nước ta thuộc tỉnh/ thành phố nào?

- A. Điện Biên. B. Hà Giang. C. Cà Mau. D. Khánh Hòa.

Câu 2. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào trên đất liền?

- A. Trung Quốc, Lào, Campuchia. B. Trung Quốc, Lào.
C. Trung Quốc, Campuchia, Mianma. D. Lào, Campuchia, Thái Lan.

Câu 3. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết đường biên giới nước ta với nước nào dài nhất?

- A. Trung Quốc. B. Lào. C. Campuchia. D. Thái Lan.

Câu 4. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết biển Đông tiếp giáp với bao nhiêu quốc gia?

- A. Sáu. B. Bảy. C. Tám. D. Chín.

Câu 5. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh thành nào có diện tích nhỏ nhất nước ta?

- A. Ninh Bình. B. Bắc Ninh. C. Thái Bình. D. Hà Nam

Câu 6. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết ranh giới tự nhiên của hai miền Nam-Bắc của nước ta là

- A. dãy Hoàng Sơn. B. dãy Trường Sơn. C. dãy Bạch Mã. D. dãy Con Voi.

Câu 7. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh, thành phố nào?

- A. Tỉnh Khánh Hòa. B. Thành phố Đà Nẵng
C. Thành phố Nha Trang. D. Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 8. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết vùng ven biển duyên hải miền Trung giới hạn từ.....đến.....

- A. Thanh Hóa/ Bình Thuận. B. Nghệ An/ Bà Rịa-Vũng Tàu
C. Thanh Hóa/ Bà Rịa-Vũng Tàu. D. Nghệ An/ Bình Thuận

Câu 9. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào sau đây **không** giáp với biển Đông?

- A. Hải Dương. B. Quảng Ngãi. C. Phú Yên. D. Thái Bình

Câu 10. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Nam của nước ta thuộc tỉnh/ thành phố nào?

- A. Điện Biên. B. Hà Giang. C. Cà Mau. D. Khánh Hòa.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết theo thứ tự các tỉnh ven biển từ Bắc vào Nam là

- A. Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Nam.
- B. Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi.
- C. Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Thừa Thiên – Huế.
- D. Quảng Nam, Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố giáp biển Đông?

- A. 26.
- B. 27.
- C. 28.
- D. 29

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, 23 hãy cho biết cảng biển nào sau đây lớn nhất đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Cảng biển Cần Thơ.
- B. Cảng biển Cà Mau.
- C. Cảng biển Kiên Giang.
- D. Cảng biển Trà Vinh

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, 23 hãy cho biết cảng nước sâu Dung Quất thuộc tỉnh, thành phố nào?

- A. Quảng Nam.
- B. Quảng Ngãi.
- C. Quảng Trị.
- D. Quảng Bình.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết nước ta **không** có đường biên giới trên biển với quốc gia nào?

- A. In-đô-nê-xi-a.
- B. Mi-an-ma.
- C. Phi-lip-pin.
- D. Trung Quốc.

Câu 16. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết ngã ba Đông Dương thuộc tỉnh/ thành phố nào?

- A. Điện Biên.
- B. Hà Giang.
- C. Kon Tum.
- D. Kiên Giang.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết thành phố trực thuộc Trung ương nào sau đây **không** giáp biển Đông?

- A. Hải Phòng.
- B. Đà Nẵng.
- C. TP. Hồ Chí Minh.
- D. Cần Thơ.

Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh/thành phố nào vừa có biên giới trên biển và đất liền với Cam-pu-chia?

- A. Điện Biên.
- B. Hà Giang.
- C. Kon Tum.
- D. Kiên Giang.

Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Tây nước ta thuộc tỉnh nào?

- A. Sơn La.
- B. Điện Biên.
- C. Lai Châu
- D. Lào Cai

Câu 20. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố có đường biên giới chung với Lào?

- A. 10.
- B. 11.
- C. 12.
- D. 13.

Câu 21. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào sau đây **không** có đường biên giới chung với Lào?

- A. Điện Biên.
- B. Sơn La
- C. Kon Tum.
- D. Gia Lai.

Câu 22. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết biển Đông nằm ở đâu?

- A. Phía đông nam Việt Nam và phía tây Philippines.
- B. Phía đông, tây nam, đông nam Việt Nam và phía tây philippines.
- C. Phía đông nam Trung Quốc và phía tây philippines.

D. Phía bắc Ấn Độ và phía đông nam Philippines.

Câu 23. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào có biên giới cả trên biển và đất liền với Trung Quốc?

A. Điện Biên. B. Hà Giang. C. Quảng Ninh. D. Kiên Giang.

Câu 24. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết số tỉnh, thành phố có chung đường biên giới với Campuchia là

A. 10. B. 11. C. 12. D. 13.

Câu 25. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết số nước có biên giới trên biển với nước ta là

A. 8. B. 9. C. 10. D. 12.

Câu 26. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Nam của nước ta nằm ở

A. mũi Đại Lãnh. B. mũi Ngọc. C. mũi Cà Mau. D. mũi Kê Gà.

Câu 27. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết quần đảo Côn Sơn thuộc tỉnh nào?

A. Sóc Trăng. B. Bà Rịa – Vũng Tàu. C. Bạc Liêu. D. Cà Mau.

Câu 28. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh/ thành phố nào?

A. Khánh Hòa. B. Ninh Thuận. C. Bình Thuận. D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 29. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết đảo nào sau đây thuộc tỉnh Kiên Giang?

A. Lý Sơn. B. Phú Quý. C. Phú Quốc. D. Côn Cỏ.

Câu 30. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh nào có chung biên giới với Trung Quốc và Lào?

A. Lai Châu. B. Điện Biên. C. Sơn La. D. Lào Cai.

ATLAT TRANG 9 (khí hậu)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào sau đây chịu ảnh hưởng tần suất bão cao nhất nước ta?

A. Bắc Trung Bộ. B. Nam Trung Bộ. C. Nam Bộ. D. Đông Bắc Bộ.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 9, hãy cho biết gió mùa mùa đông thổi vào nước ta theo hướng nào?

A. Đông Bắc. B. Tây Bắc. C. Tây Nam. D. Đông Nam.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 9, hãy cho biết gió mùa mùa hạ thổi vào nước ta theo hướng nào?

A. Tây Nam. B. Tây Bắc. C. Đông Nam. D. Đông Bắc.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào chịu ảnh hưởng nhiều nhất của gió Tây khô nóng?

A. Bắc Trung Bộ. B. Nam Trung Bộ. C. Nam Bộ. D. Tây Bắc Bộ.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây

có nhiệt độ trung bình các tháng luôn dưới 20°C?

- A. Biểu đồ khí hậu Lạng Sơn.
- B. Biểu đồ khí hậu Sa Pa.
- C. Biểu đồ khí hậu Điện Biên Phủ.
- D. Biểu đồ khí hậu Hà Nội.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết cặp biểu đồ khí hậu nào dưới đây thể hiện rõ sự đối lập nhau về mùa mưa – mùa khô?

- A. Biểu đồ khí hậu Đà Lạt với biểu đồ khí hậu TP. Hồ Chí Minh.
- B. Biểu đồ khí hậu Đồng Hới với biểu đồ khí hậu Đà Nẵng.
- C. Biểu đồ khí hậu Hà Nội với biểu đồ khí hậu TP. Hồ Chí Minh.
- D. Biểu đồ khí hậu Đà Lạt với biểu đồ khí hậu Nha Trang.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, thời kì có bão đổ bộ trực tiếp từ biển Đông vào vùng khí hậu Bắc Trung Bộ là

- A. tháng XI.
- B. tháng X.
- C. tháng IX.
- D. tháng VIII.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào dưới đây nằm trong miền khí hậu phía Bắc?

- A. Vùng khí hậu Tây Nguyên.
- B. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.
- C. Vùng khí hậu Nam Bộ.
- D. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm của TP. Hồ Chí Minh ở mức là bao nhiêu?

- A. trên 20°C.
- B. trên 22°C.
- C. trên 25°C.
- D. trên 30°C.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào dưới đây không có gió Tây khô nóng?

- A. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.
- B. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.
- C. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.
- D. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có lượng mưa lớn tập trung từ tháng IX đến tháng XII?

- A. Biểu đồ khí hậu Nha Trang.
- B. Biểu đồ khí hậu Cà Mau.
- C. Biểu đồ khí hậu Đà Lạt.
- D. Biểu đồ khí hậu Lạng Sơn.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, thời kì tần suất các cơn bão di chuyển từ Biển Đông vào miền khí hậu phía Bắc vào

- A. tháng XI và tháng XII.
- B. tháng VIII và tháng IX.
- C. tháng VI và tháng VII.
- D. tháng IX và tháng X.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây không đúng về chế độ nhiệt ở nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.
- B. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam.
- C. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ các vùng núi).
- D. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, vào tháng 6,7 bão đổ bộ vào các tỉnh/ thành phố nào sau đây?

- A. Thanh Hóa, Nghệ An.
- B. Quảng Nam, Quảng Ngãi.
- C. Quảng Ninh, Hải Phòng.
- D. Phú Yên, Khánh Hòa.

ATLAT TRANG 10 (Sông Ngòi)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Krông Pokô thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Thu Bồn.
- B. Lưu vực sông Đồng Nai.
- C. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).
- D. Lưu vực sông Mê Công.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Tiền thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Mã.
- B. Lưu vực sông Đồng Nai.
- C. Lưu vực sông Cả.
- D. Lưu vực sông Mê Công.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Sài Gòn thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Thu Bồn.
- B. Lưu vực sông Đồng Nai.
- C. Lưu vực sông Mê Công.
- D. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông nào sau đây có lưu lượng nước lớn nhất?

- A. Sông Đà Rằng.
- B. Sông Mã.
- C. Sông Mê Công.
- D. Sông Hồng.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu lượng nước thấp nhất của sông Mê Công (Cửu Long) vào thời gian nào sau đây?

- A. Tháng III đến tháng IV.
- B. Tháng I đến tháng III.
- C. Tháng X đến tháng XII.
- D. Tháng V đến tháng X.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu vực sông nào sau đây chỉ nằm trong phạm vi lãnh thổ nước ta?

- A. Lưu vực sông Mê Công.
- B. Lưu vực sông Cả.
- C. Lưu vực sông Ba.
- D. Lưu vực sông Hồng.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Bé thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Thu Bồn.
- B. Lưu vực sông Đồng Nai.
- C. Lưu vực sông Đà Rằng.
- D. Lưu vực sông Mê Công.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Đà thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Thái Bình.
- B. Lưu vực sông Hồng.
- C. Lưu vực sông Mã.
- D. Lưu vực sông Kỳ Cùng – Bằng Giang.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Vàm Cỏ Đông thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Đồng Nai.
- B. Lưu vực sông Thu Bồn.
- C. Lưu vực sông Ba.
- D. Lưu vực sông Mê Công.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông La Ngà thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Đồng Nai.
- B. Lưu vực sông Thu Bồn.

C. Lưu vực sông Mê Công.

D. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).

ATLAT ĐỊA LÍ TRANG 13-14

Câu 1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, ranh giới tự nhiên giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là

- A. sông Hồng. B. sông Đà. C. sông Mã. D. sông Cả.

Câu 2. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh Phanxifan thuộc dãy núi

- A. Con Voi. B. Hoàng Liên Sơn. C. Trường Sơn Bắc. D. Tam Điệp.

Câu 3. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh núi nào sau đây không thuộc vùng núi Đông Bắc?

- A. Tây Côn Lĩnh. B. Phu Luông. C. Kiều Liêu Ti. D. Pu Tha Ca.

Câu 4. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, dãy núi nào sau đây không chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam?

- A. Bạch Mã. B. Hoàng Liên Sơn. C. Trường Sơn Bắc. D. Pu Đen Đinh.

Câu 5. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh núi cao nhất ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

- A. Phanxifan. B. Phu Luông. C. Pu Trà. D. Pu Hoạt.

Câu 6. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết đèo Hải Vân thuộc dãy núi nào?

- A. Bạch Mã. B. Hoàng Liên Sơn. C. Trường Sơn Bắc. D. Hoành Sơn.

Câu 7. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết nhận định nào sau đây đúng nhất về đặc điểm của bốn cánh cung ở vùng núi Đông Bắc?

- A. song song với nhau. B. so le với nhau.
C. chụm lại ở Tam Đảo. D. hướng Tây Bắc - Đông Nam.

Câu 8. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, hãy cho biết nhận định nào sau đây đúng nhất về đặc điểm địa hình của vùng núi Trường Sơn Nam?

- A. địa hình cao nhất cả nước. B. hướng núi Tây Bắc – Đông Nam.
C. gồm các khối núi và cao nguyên. D. có bốn cánh cung núi.

Câu 9. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cao nguyên có độ cao cao nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam là

- A. Kon Tum. B. Đắk Lắk. C. Mơ Nông. D. Lâm Viên.

Câu 10. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, lát cắt địa hình A - B đi theo hướng

- A. Tây Nam - Đông Bắc. B. Tây Bắc - Đông Nam.
C. Bắc - Nam. D. Đông - Tây.